TRƯỜNG HẢI QUAN VIỆT NAM

CHUYÊN ĐỀ
NGHIỆP VỤ NGOẠI THƯƠNG

ALLPPT.com _ Free PowerPoint Templates, Diagrams and Charts

Các điều kiện thương mại quốc tế - Incoterms (Điều kiện cơ sở giao hàng)

1. Giới thiệu về Incoterms
2. Incoterms 2010 và 2020
3. Nội dung Incoterms 2020
4. Lưu ý khi sử dụng Incoterms

INTERNATIONAL FREIGHT FLOWS

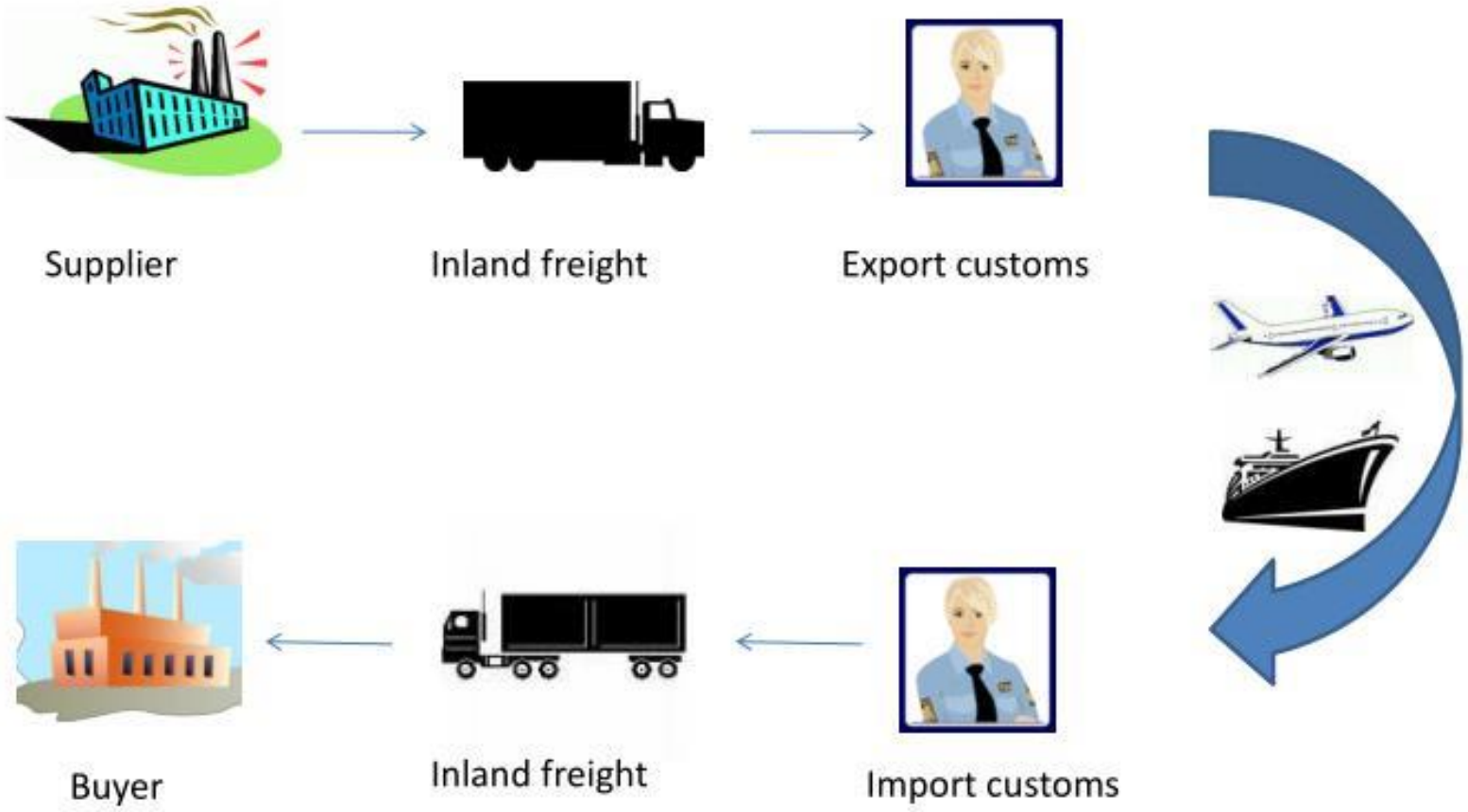

1. Giới thiệu Incoterms

- Khái niệm: là những thuật ngữ ngắn gọn được hình thành trong thực tiễn mua bán quốc tế để chỉ sự phân chia trách nhiệm và chi phí giữa người mua và người bán trong lĩnh vực giao nhận hàng.

- Incoterms (viết tắt của International Commercial Terms) là quy tắc chính thức của Phòng Thương mại quốc tế (ICC) nhằm giải thích các điều kiện thương mại thông dụng nhất trong ngoại thương, được viết tắt bằng ba chữ cái.

- Mục đích: giúp các bên mua bán tránh những hiểu lầm, tranh chấp và kiện tụng
- Phạm vi áp dụng: điều chỉnh những vấn đề có liên quan tới quyền và nghĩa vụ của các bên đối với việc giao hàng hóa được bán trong HĐMB vật chất hữu hình.
- Nội dung của Incoterms:

☞ Phân chia trách nhiệm về giao nhận hàng: thuê tàu, bốc dỡ hàng, mua BH, làm TTHQ…

☞ Phân chia chi phí về giao hàng

☞ Địa điểm di chuyển rủi ro và tổn thất về hàng hóa

- Lịch sử của Incoterms:

✓ Năm 1936: Bộ Incoterms đầu tiên 6 điều kiện (FAS, FOB, C&F, CIF, Ex Ship, Ex Quay)

✓ Năm 1953: Bộ 1936 + DCP – Delivered Costs Paid, FOR – Free On Rail, FOT – Free on Truc

✓ Năm 1967: sửa đổi Incoterm 1953, bổ sung DAF – Delivered At Frontier và DDP – Delivered Duty Paid

✓ Năm 1976, thêm phụ lục cho Incoterms 1953, bổ sung FOB Airport

✓ Năm 1980, giải thích 14 điều kiện, bổ sung điều kiện FCR – Free Carrier…Named at Point

✓ Năm 1990: Bỏ điều kiện FOR, FOT, FOB Airport, thay thế bằng điều kiện FCA.

- Lịch sử của Incoterms:
  - ✓ Năm 2000, giải thích 13 điều kiện theo hướng áp dụng TMĐT
  - ✓ Năm 2010: sửa đổi Incoterms 2000 còn 11 điều kiện
  - ✓ Năm 2020: **sửa đổi bổ sung Incoterms 2010, vẫn là 11 điều kiện**

- **Áp dụng Incoterms trong HĐMBQT:**

"*Điều kiện được chọn, tên địa điểm đi kèm, ấn bản Incoterms lựa chọn*"

- *Ví dụ:* CIF cảng Hải Phòng Incoterms 2020

FCA sân bay Tân Sơn Nhất Incoterms 2010

- **Incoterms không có tác dụng gì?**

- Không phải và không thay thế HĐMBQT, áp dụng cho mọi loại hàng hóa XNK, không phải 1 loại hàng hóa cụ thể.
- Không điều chỉnh các vấn đề như tính chất hàng hóa XNK, phương thức thanh toán, quyền sở hữu trí tuệ, …
- Khi được đồng ý đưa Incoterms vào trong HĐ, có giá trị pháp lý và bắt buộc tuân thủ với các bên.

SỰ THAY ĐỔI CỦA INCOTERMS QUA CÁC THỜI KỲ

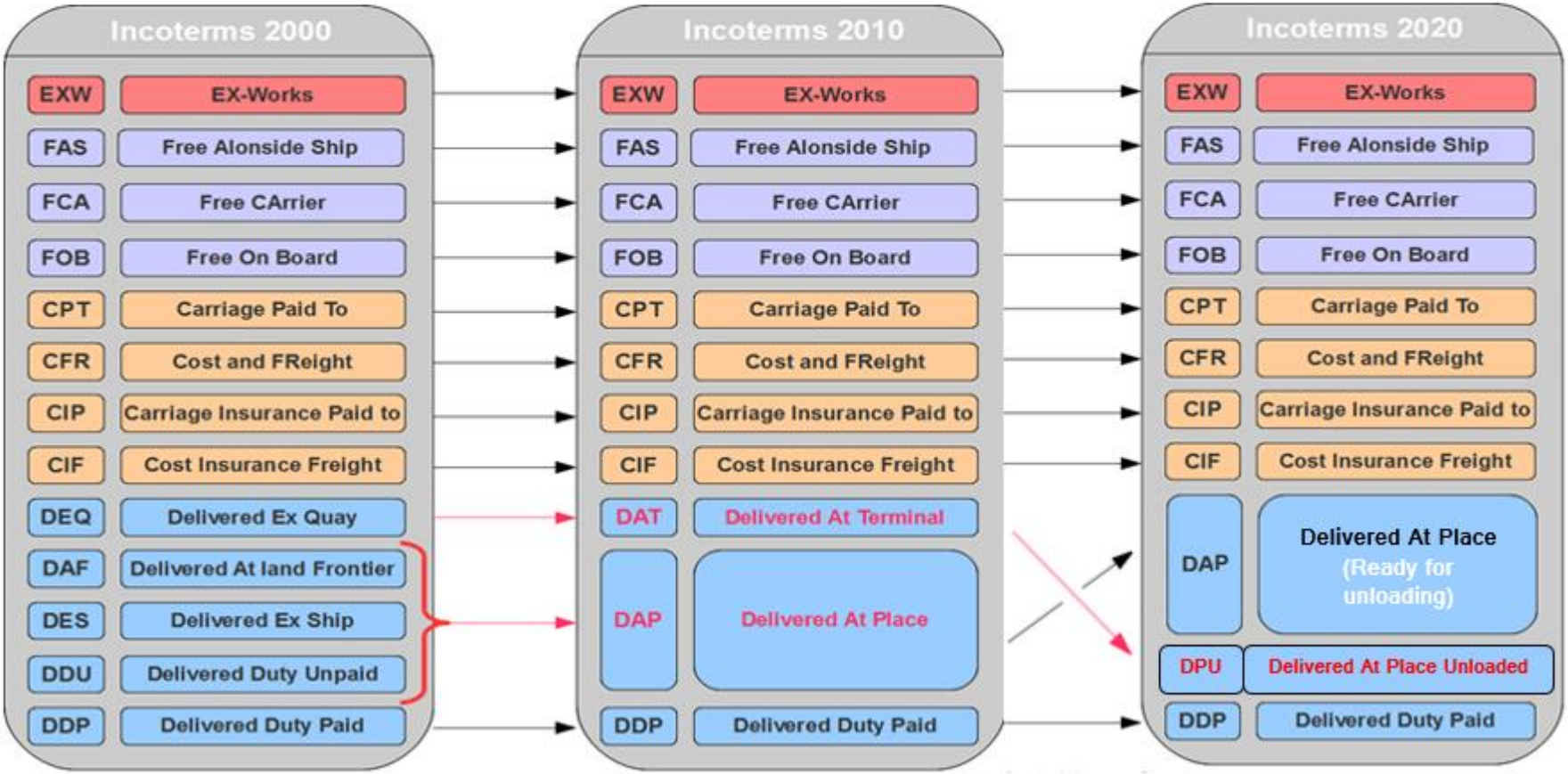

2. Incoterms 2010 và 2020

• Sắp xếp lại các nghĩa vụ giữa bên bán và bên mua, lược bỏ bớt hoặc thay thế các từ ngữ không cần thiết cho rõ nghĩa hơn.

• **"Guidance notes" à "Explanatory note**:

Phần giải thích các điều kiện giao hàng rất chi tiết, toàn diện và tích hợp như là một phần của quy tắc thay vì chỉ là hướng dẫn sử dụng như các phiên bản trước.

- **FCA + vận đơn "on board"**
- **CIP**: Quy định trách nhiệm của người bán phải mua bảo hiểm ở mức tối đa (A Clause) thay vì tối thiểu (C Clause)

2. Incoterms 2010 và 2020

- **DAT** (Delivered at Terminal) --> **DPU** (Delivered at Place Unloaded)
- **FCA, DAP, DPU, DDP**: Người mua và bán cũng có thể là người chuyên chở cho chính hàng hóa của mình nếu có chức năng vận chuyển *(Sellers/ Buyers utilizing their own transport)* (FCA: người mua, DAP/DPU/DDP: người bán)
- **Phân chia chi phí rõ ràng:**

A6-B6 : Chi phí lấy chứng từ giao hàng/vận tải
A9/B9 : Tập hợp tất cả chi phí theo trách nhiệm của người mua và bán

3. Nội dung Incoterms 2020

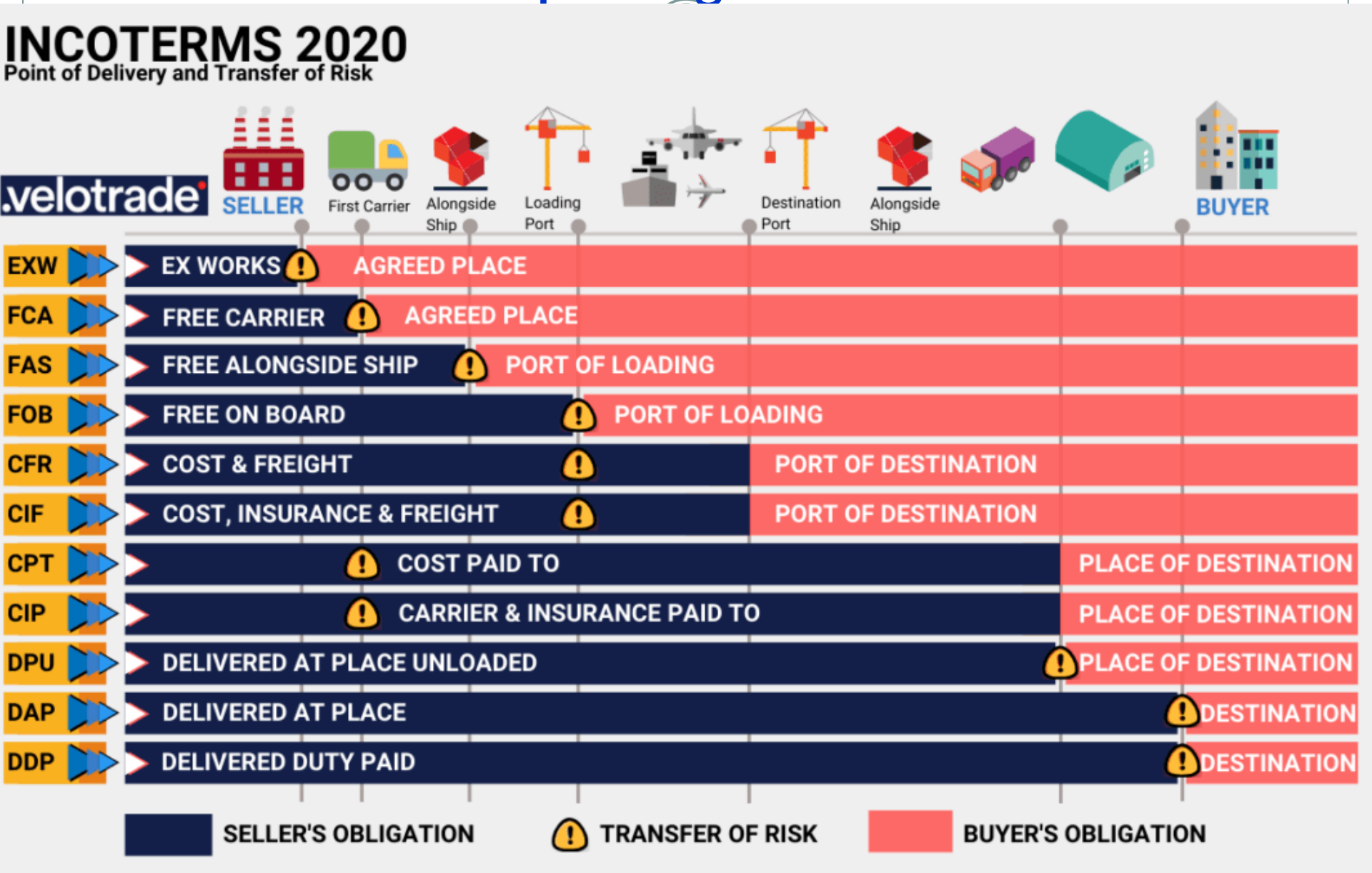

Phạm vi áp dụng của 11 điều kiện

Vận tải biển và thủy nội địa - 4

FOB CIF

FAS CFR

Một hay nhiều phương thức vận tải - 7

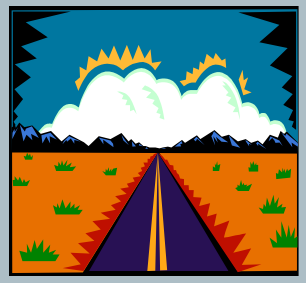

EXW DAT

FCA DPU

CPT DDP

CIP

Gồm 11 điều kiện, chia làm 4 nhóm

- ***Nhóm E***, gồm 1 điều kiện là Ex Work (ExW)

- *Ý nghĩa*: Người bán hết trách nhiệm khi giao hàng ngay tại nơi sản xuất
- Có thể viết là: Ex forest, ex mine, ex field, ex factory….

- **Nhóm F**, gồm 3 điều kiện

- FCA (Free carrier)
- FAS (Free along sideship)
- FOB (Free on board)
- *Ý nghĩa*: người bán hết trách nhiệm khi giao hàng tại nơi đi, sau khi đã làm thủ tục XK

- **Nhóm C**, gồm 4 điều kiện:
- CFR (Cost and Freight)
- CIF (Cost, Insurance and Freight)
- CPT (Carriage paid to destination)
- CIP (Carriage and insurance paid to destination)
- ***Ý nghĩa***: người bán hết trách nhiệm tại nơi đi nhưng lại chịu chi phí đến nơi đến
- **Nhóm D**, gồm 3 điều kiện:
- DAP (Delivered at place, ready to unload)
- DPU (Delivered at Place Unloaded)
- DDP (Delivered duty paid)
- ***Ý nghĩa***: người bán sẽ hết trách nhiệm khi giao hàng cho người mua tại nơi đến

INCOTERMS - Một hay nhiều phương thức vận tải

EXW – Ex Works + nơi đi (Giao hàng tại xưởng)

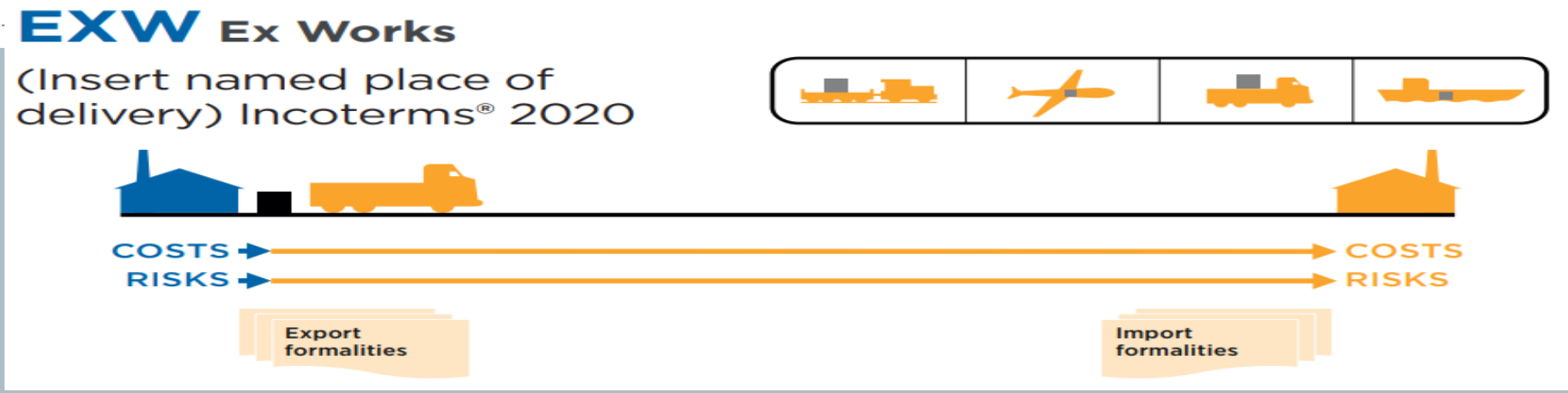

- Quy định: EXW địa điểm giao hàng, Incoterms 2020
- Ví dụ: EXW Goldsun's warehouse, Việt Nam, Incoterms 2020

Người bán phải đặt hàng hóa dưới quyền định đoạt của người mua tại cơ sở của người bán hoặc tại một địa điểm chỉ định (xưởng, nhà máy, kho...). Người mua phải nhận hàng tại địa điểm quy định, chịu mọi rủi ro và chi phí để lo việc chuyên chở hàng về điểm đích.

Lưu ý về EXW

- **EXW dùng cho mọi phương thức vận tải**
- Trách nhiệm **của người bán** là tối thiểu, trách nhiệm của **người mua** là tối đa.

- Căn cứ lựa chọn điều kiện EXW

- Có khả năng làm thủ tục thông quan XK
- Có kinh nghiệm thuê phương tiện vận tải và vận chuyển hàng hoá quốc tế
- Có đại diện tại nước XK để có thể trực tiếp kiểm tra và nhận hàng hoá tại cơ sở người bán.

Lưu ý về EXW

- Áp dụng khi thị trường thuộc về người bán và trong điều kiện này người bán không được gọi là người XK.
- Ngoài ra EXW còn thường được các nhà NK lớn (như các đại lí buôn bán tầm cỡ, những cửa hàng lớn) sử dụng khi mua hàng từ những nhà XK nhỏ. Bởi vì những nhà NK lớn thường có điều kiện tốt trong việc thu xếp vận tải để đảm bảo việc giao hàng đúng thời gian và với mức giá cạnh tranh nhất.
- Phương thức TT: Không phù hợp sử dụng cho các phương thức thanh toán kèm chứng từ (L/C), thay vào đó sử dụng phương thức thanh toán thanh toán trả trước, trả ngay khi giao hàng, ghi sổ…

FCA – Free Carrier (Giao cho ngqời chuyên chở) + địa điểm giao hàng

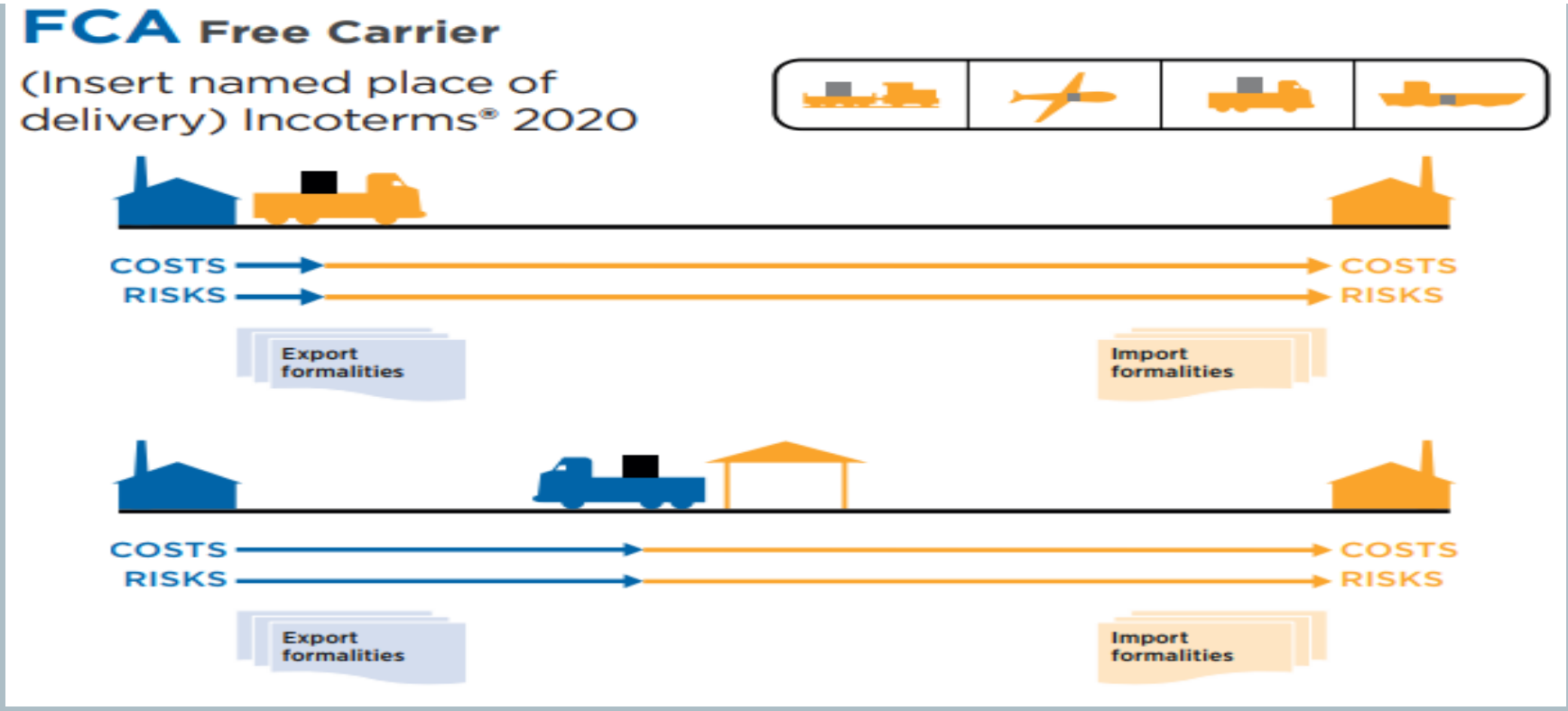

Quy định: FCA địa điểm giao hàng, Incoterms 2020

Ví dụ: FCA Sân bay Nội bài, Việt Nam, Incoterms 2020.

- Người bán hoàn thành nghĩa vụ giao hàng khi đã giao hàng cho người chuyên chở hoặc một người khác do người mua chỉ định tại cơ sở của người bán hoặc tại địa điểm chỉ định khác sau khi đã hoàn thành thủ tục thông quan xuất khẩu (nếu có) cho hàng hóa.
- FCA là điều kiện cơ sở giao hàng linh hoạt, cho phép giao hàng nhiều địa điểm khác nhau phụ thuộc vào phương thức vận chuyển sử dụng

- FCA giao tại xưởng: ưu tiên sử dụng khi hàng đóng đầy xe tải hoặc container.

- FCA giao tại điểm trung chuyển, giao nhận: sử dụng chủ yếu khi thu gom hàng lẻ

- FCA giao tại cảng, bến: phù hợp nhất khi đóng hàng trong container

- FCA giao tại sân bay, đường sắt

- Địa điểm giao hàng thỏa thuận (cơ sở người bán, CY, CFS…) không phải là "on board" như FOB nhưng người mua có quyền yêu cầu người chuyên chở cấp chứng từ vận tải có ghi chú "hàng đã bốc lên tàu" để thanh toán với ngân hàng.

--> ***FCA-B6 (Delivery/ Transport Document)***: *"If the parties have so agreed, the buyer must instruct the carrier to issue to the seller, at the buyer's cost and risk, a transport document stating that the goods have been loaded (such as a bill of lading with an on board notation)*."

- *Địa điểm chọn để giao hàng* ảnh hưởng đến trách nhiệm bốc dỡ hàng lên/ra phương tiện vận tải

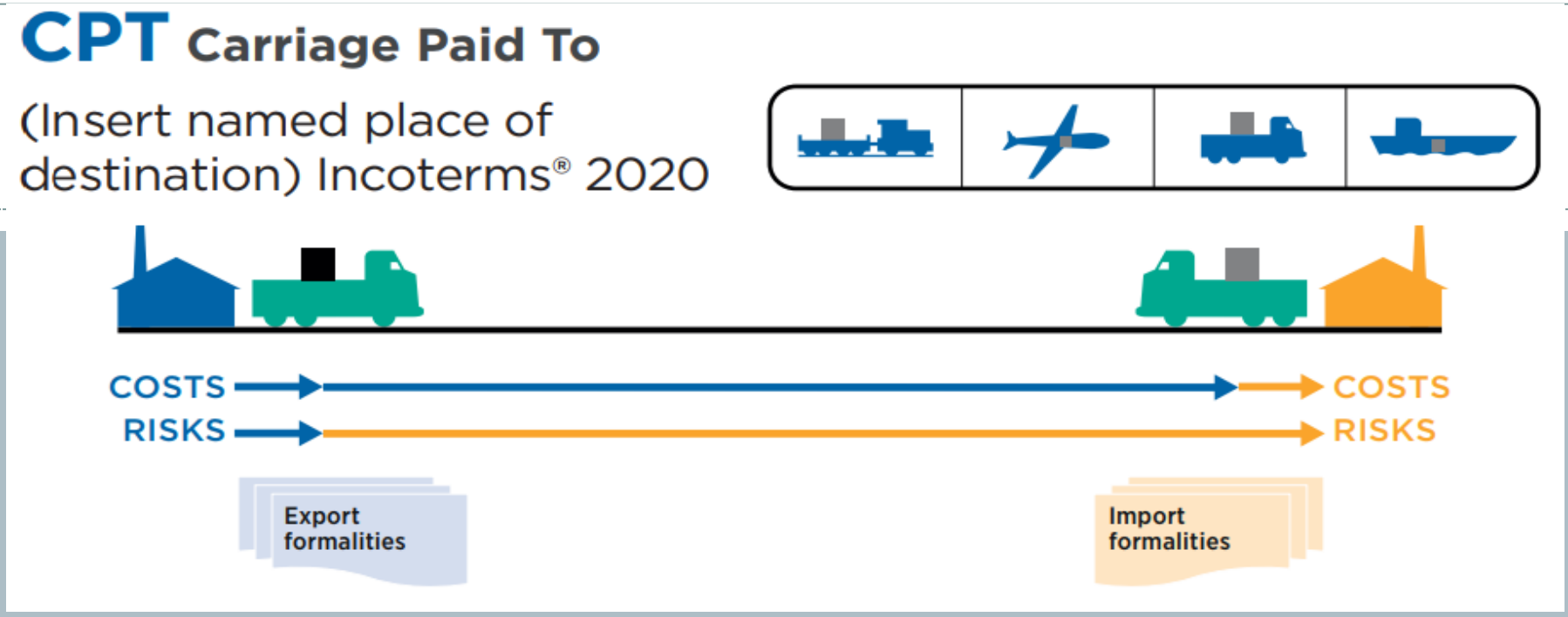

Quy định: CPT nơi đến quy định, Incoterms 2020
Ví dụ: CPT Noibai Airport, Vietnam, Incoterms 2020

Người bán hoàn thành nghĩa vụ giao hàng khi đã giao hàng cho người chuyên chở hoặc một người khác do người bán chỉ định và người bán phải ký hợp đồng và trả chi phí vận tải cần thiết để đưa hàng hóa tới địa điểm đến được chỉ định.

CIP - Carriage and Insurance Paid To (Cước phí và bảo hiểm trả đến…)

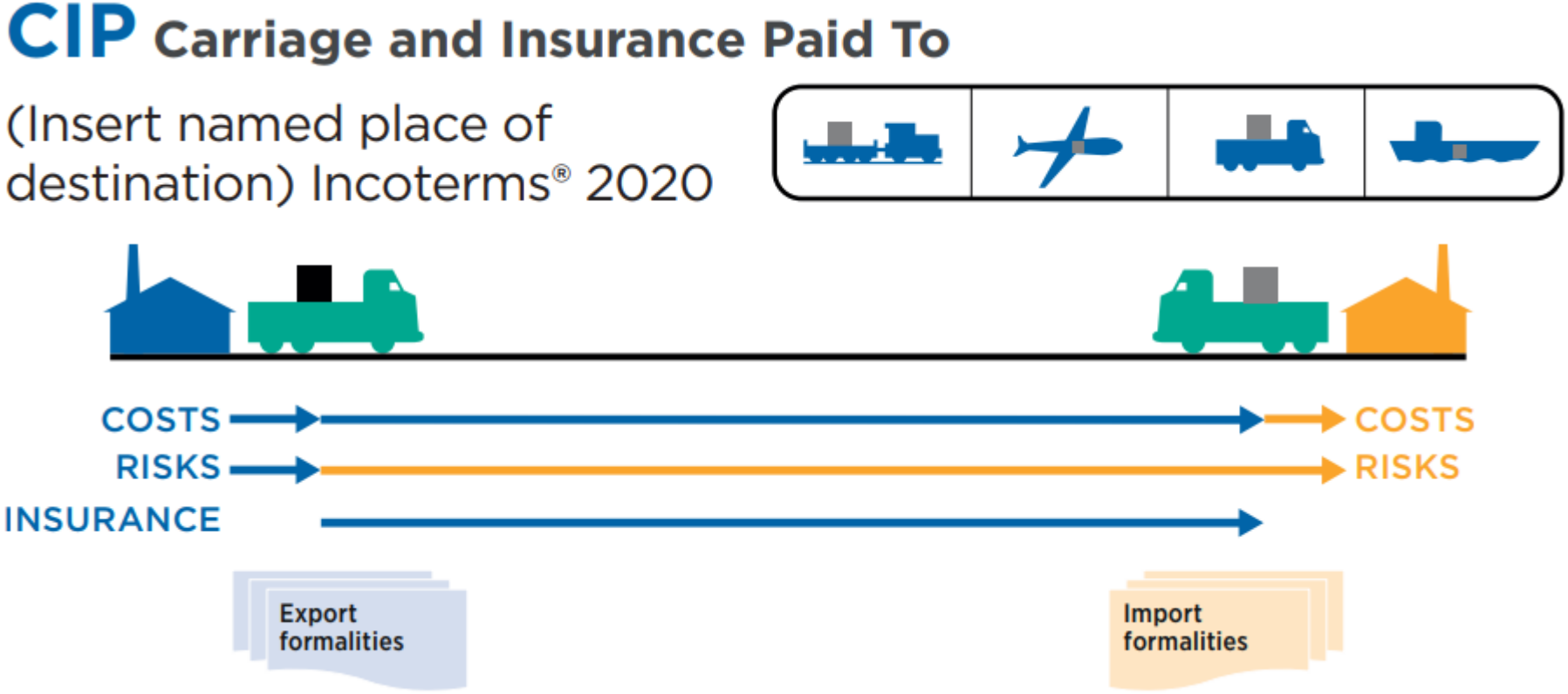

Quy định: CIP nơi đến quy định, Incoterms 2020

Ví dụ: CIP Noibai Airport, Vietnam, Incoterms 2020

- Giống CPT + người bán còn phải mua bảo hiểm cho người mua về mọi rủi ro, mất mát hoặc hư hỏng của hàng hóa trong quá trình vận chuyển từ điểm giao hàng cho ít nhất đến nơi đến quy định.
- Điều kiện bảo hiểm loại ICC - A hoặc tương đương loại A phù hợp với phương thức vận chuyển được sử dụng.
- Mua tại 1 công ty bảo hiểm có uy tín để người mua hoặc bất kỳ người nào khác được hưởng lợi bảo hiệm có thể đòi bồi thường trực tiếp từ Công ty bảo hiểm.
- Giá trị bảo hiểm = 110% Giá CIP
- Mua bằng đồng tiền của hợp đồng
- Người bán cung cấp cho người mua theo yêu cầu của người mua, với chi phí và rủi ro người mua chịu các thông tin để người mua mua thêm bảo hiểm bổ sung như bảo hiểm chiến tranh/đình công hoặc bất kỳ bảo hiểm tương tự

DAP - Giao hàng tại nơi đến

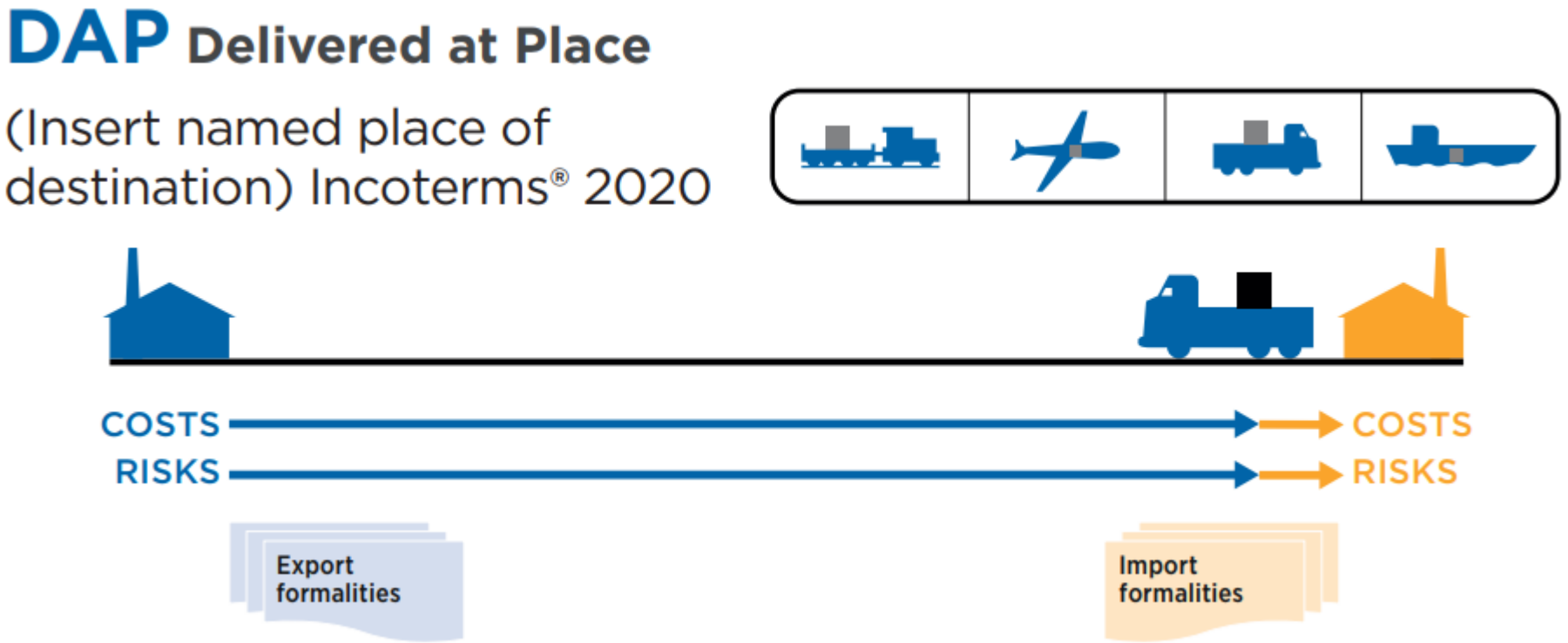

- DAP 162 Nguyễn Văn Cừ, Hanoi, Vietnam, Incoterms 2020
- Việc người bán chịu mọi rủi ro và chi phí để đặt hàng hóa dưới quyền định đoạt của người mua trên phương tiện vận tải, sẵn sàng để dỡ tại nơi đến chỉ định.

DPU - Giao hàng tại nơi đến đã dỡ

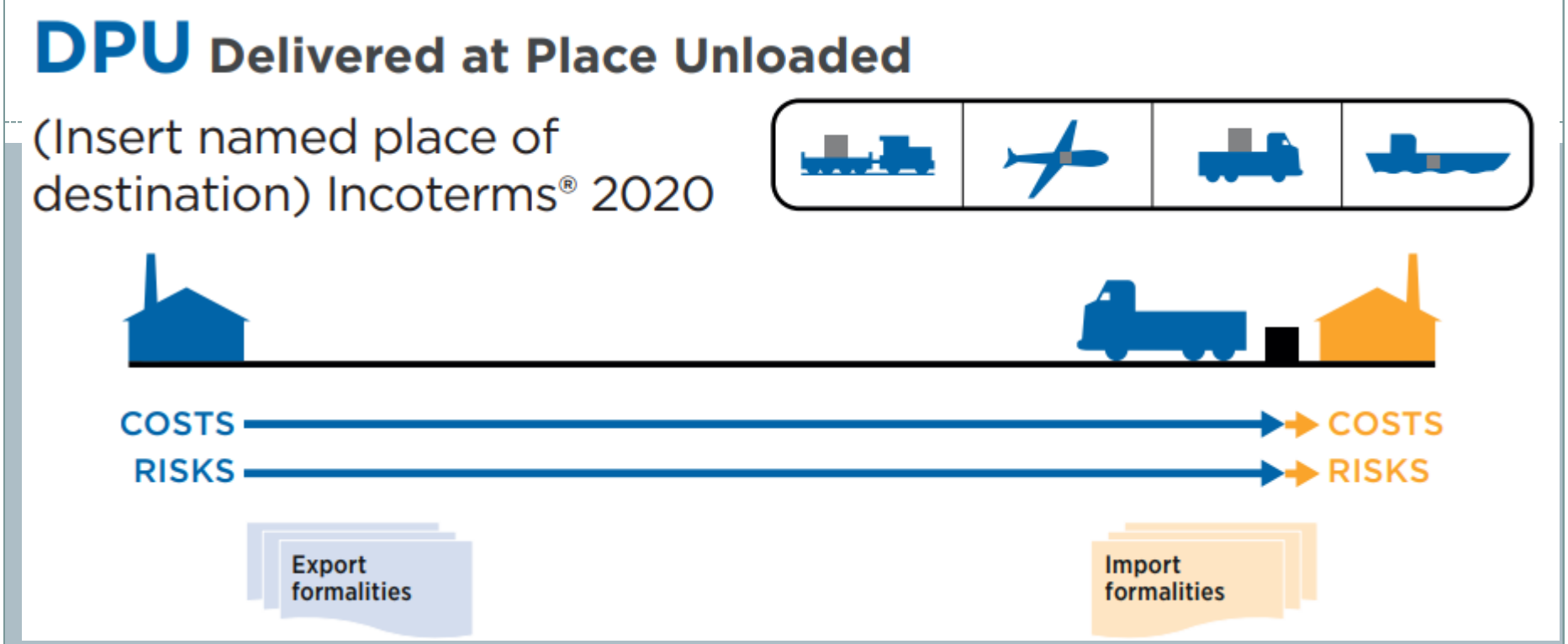

- **Quy định:** DPU nơi đến quy định, Incoterms 2020.
- DPU 12 Nguyễn Biểu, Hanoi, Vietnam, Incoterms 2020
- Người bán chịu mọi rủi ro và chi phí để đặt hàng hóa dưới quyền định đoạt của người mua, sau khi dỡ ra khỏi phương tiện vận tải tại nơi đến chỉ định

DDP - Giao hàng đã trả thuế/đã thông quan NK

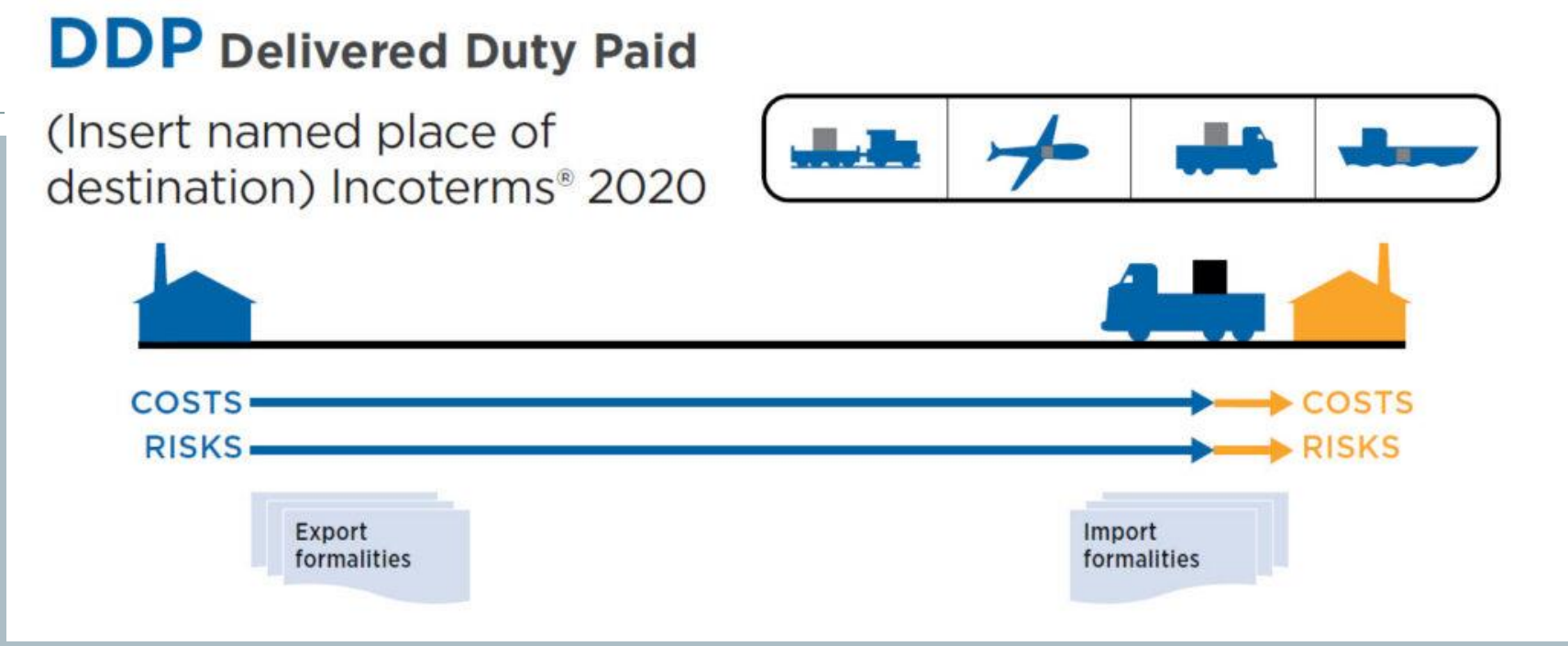

- **Quy định:** DDP nơi đến quy định, Incoterms 2020.
- DDP Canol' Warehouse, Hanoi, Vietnam, Incoterms 2020
- Người bán chuyển giao hàng hóa sang cho người mua khi hàng hóa đã được đưa tới địa điểm giao hàng đã quy định trong hợp đồng, dưới sự định đoạt của người mua, đã thông quan nhập khẩu, sẵn sàng để dỡ xuống

INCOTERMS – Vận tải biển và thủy nội địa

FAS – Giao dọc mạn tàu

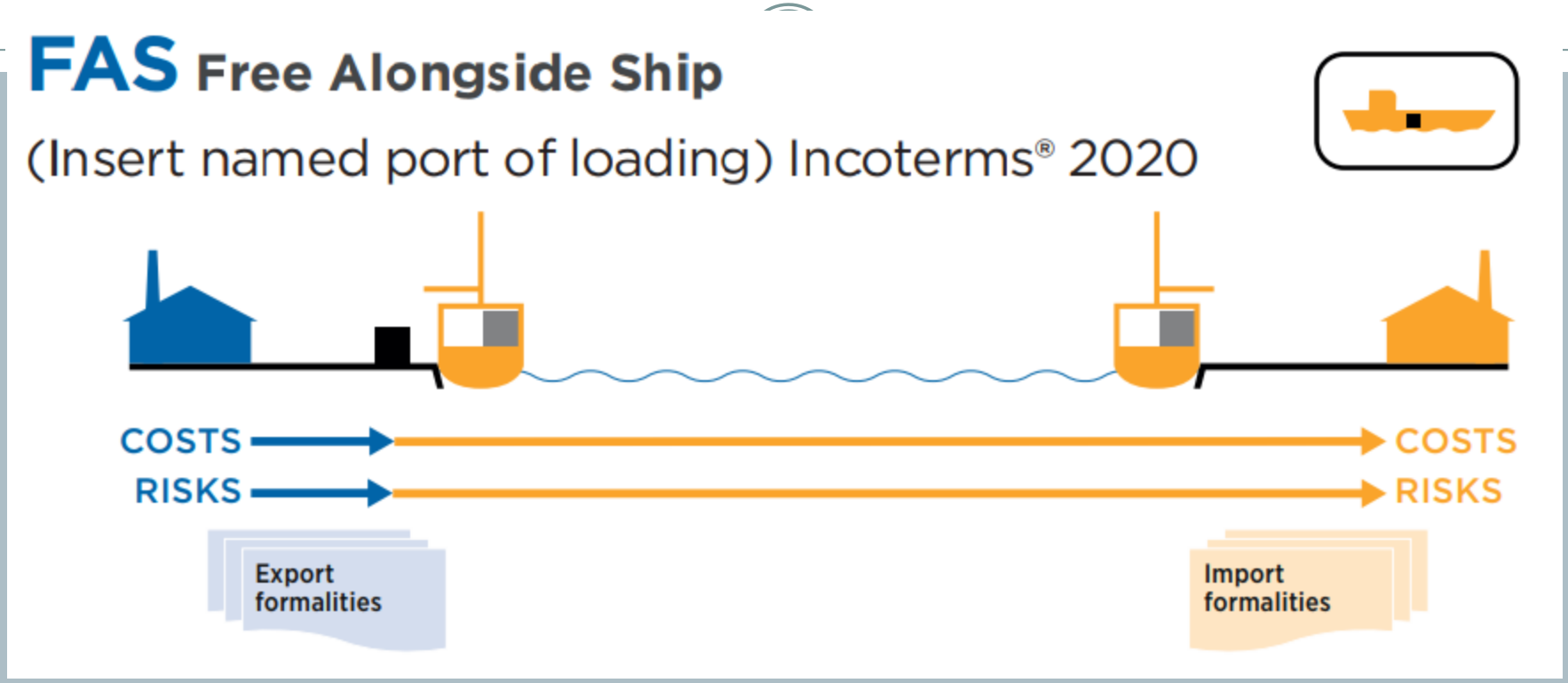

- Quy định: FAS, cảng bốc hàng quy định, Incoterms 2020

Ví dụ: FAS cảng Hải Phòng, Việt Nam, Incoterms 2020

- Bên bán giao hàng khi hàng được đặt dọc theo mạn con tàu do người mua chỉ định tại cảng bốc hàng quy định hoặc mua được hàng hóa đã sẵn sàng để giao như vậy. Bên mua phải chịu mọi chi phí và rủi ro về mất mát hoặc hư hỏng hàng kể từ thời điểm đó.
- Giao dọc mạn tàu trong thực tế thường là: Giao tại kè cảng, giao trên xuồng hoặc thuyền nhỏ (tại các cảng mà tàu thuyền lớn không thể vào, hoặc nước nông phải chở hàng từ các thuyền nhỏ ra).

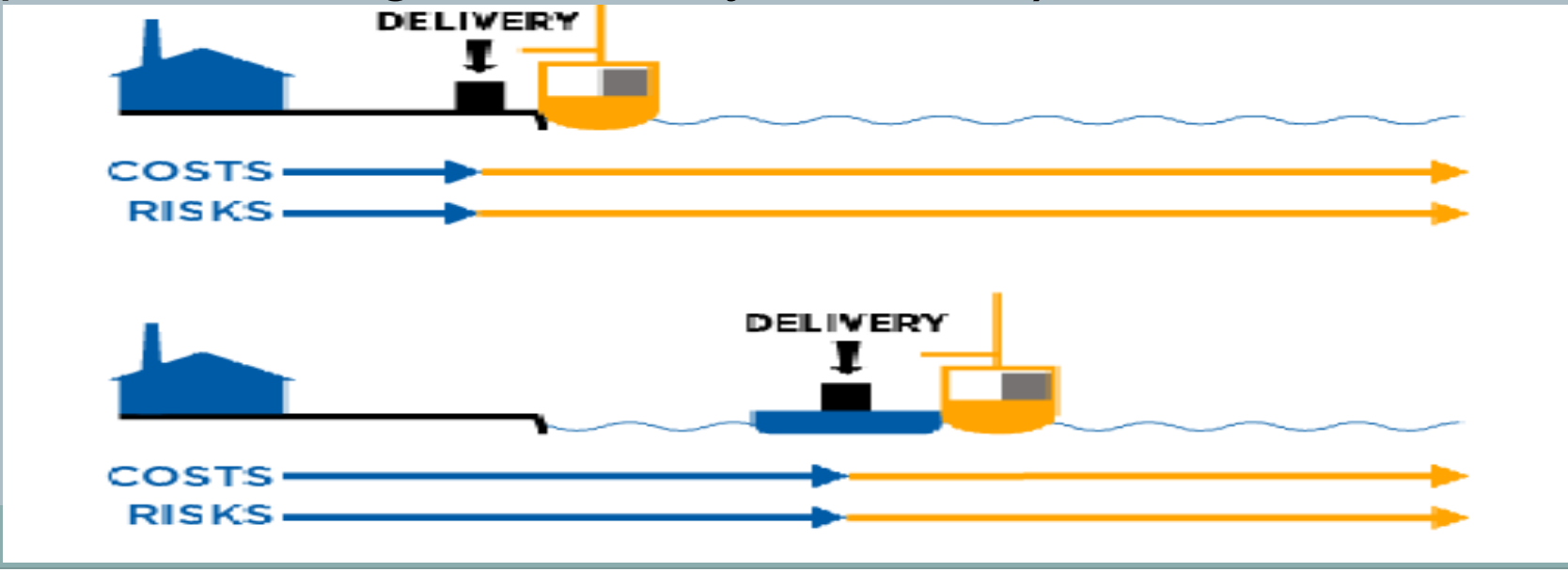

FOB –Giao hàng lên tàu tại cảng đi

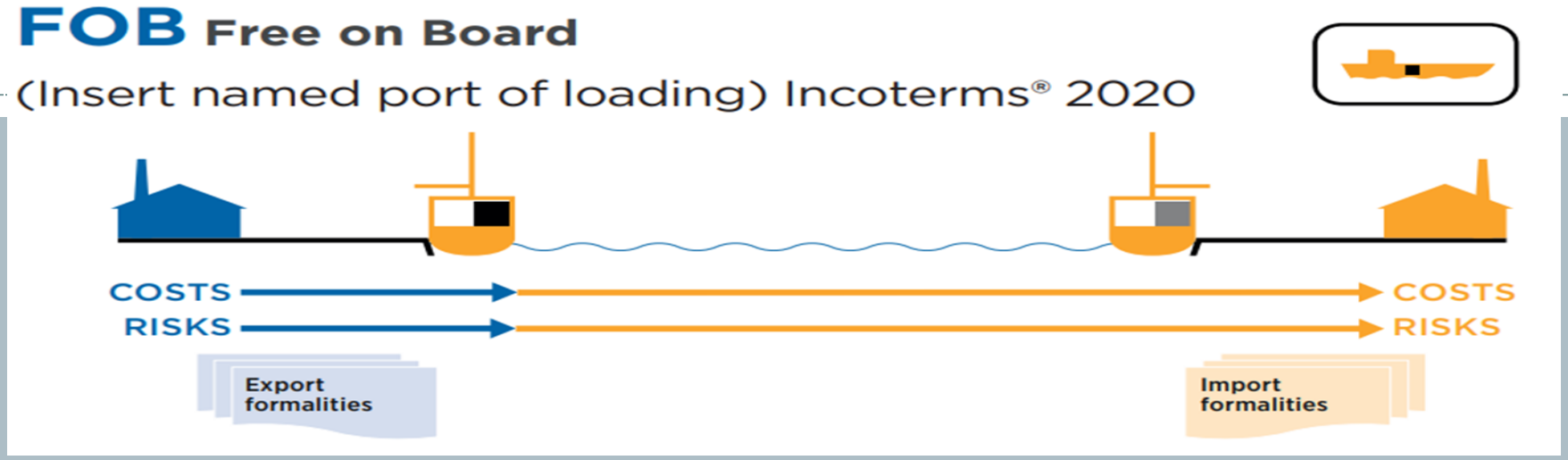

- Quy định: FOB cảng bốc quy định, Incoterms 2020

Ví dụ: FOB cảng Cát Lái, Việt Nam, Incoterms 2020

- Người bán hoàn thành nghĩa vụ giao hàng sau khi đã giao hàng *lên tàu tại cảng bốc hàng* → người mua phải chịu rủi ro và chi phí về việc mất mát và hư hỏng của hàng hóa kể từ thời điểm này.
- Người bán phải làm thủ tục thông quan xuất khẩu cho hàng hóa.

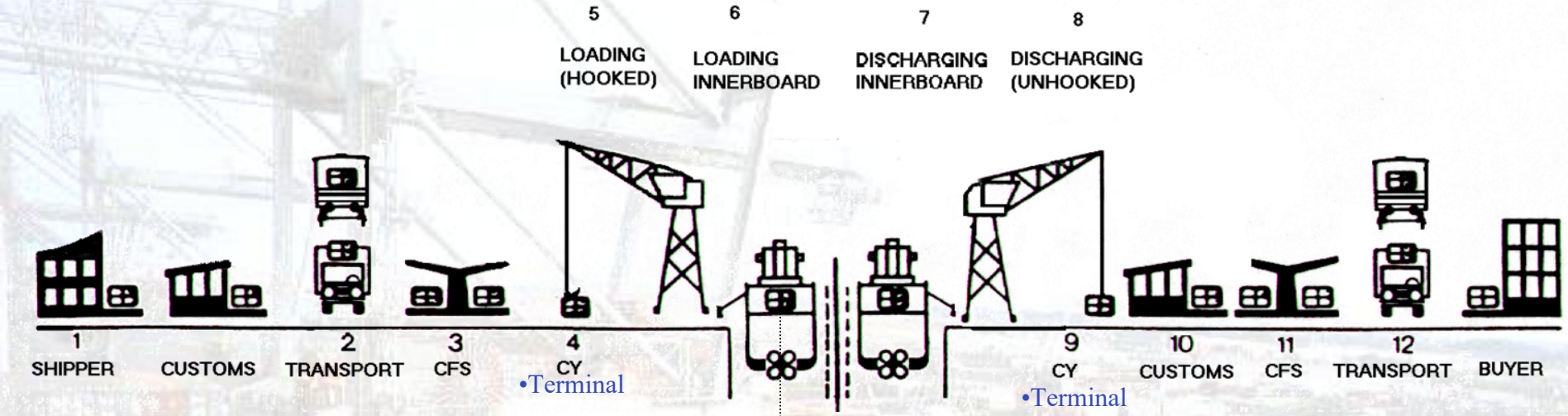

•FOB

•**Free on board** Seller delivers when the goods,

•clears for export, on board the named vessel

• at the named port of shipment.

•If parties do not intend to deliver the goods on board,

•the FCA-term should be used.

FOB – Free on board + cảng đi
Giao hàng lên tàu tại cảng đi

Người bán

- Giao hàng đúng hợp đồng, cung cấp chứng từ chứng minh
- Cân đo đong đếm, đóng gói bao bì
- Thông quan xuất khẩu
- Thông báo giao hàng, sau khi giao hàng
- Giao hàng lên tàu do người mua chỉ định tại cảng bốc hàng
- Cung cấp chứng từ chứng minh
- Giúp người mua làm một số công việc nhất định nếu người mua yêu cầu.

FOB – Free on board + cảng đi
Giao hàng lên tàu tại cảng đi

Người mua

- Nhận hàng và trả tiền hàng như quy định trong hợp đồng
- Làm thủ tục nhập khẩu
- Thuê tàu đến lấy hàng và thông báo
- Chịu mọi rủi ro về hàng kể từ khi hàng đã giao lên tàu tại cảng bốc/cảng đi
- Các công việc khác

Lưu ý với FOB

- **Sử dụng FCA thay FOB nếu không giao hàng lên tàu sẽ mang lại những lợi ích sau**:

✓ Di chuyển rủi ro sớm hơn: Thay vì phải giao hàng lên tàu thì người bán chỉ cần giao cho người chuyên chở trong nội địa là đã chuyển rủi ro về hàng hóa sang người mua.

✓ Rủi ro khi giao hàng ít hơn: Vì rủi ro khi giao hàng rời lên tàu trong FOB bao giờ cũng lớn hơn rủi ro giao hàng toàn kiện (thường bằng container) như trong FCA.

Lưu ý với FOB

- ✓ Chịu ít chi phí hơn. Người bán sẽ không phải chịu thêm những chi phí liên quan tới hàng hoá trong quãng đường từ địa điểm giao hàng trong nội địa theo FCA tới địa điểm giao hàng tại cảng biển theo FOB.
- ✓ Giảm thời gian giao dịch, thu hồi được tiền hàng nhanh hơn.
- ❑ Sử dụng FCA thay cho FOB với người mua:
  - ➢ Thêm bớt trách nhiệm
  - ➢ Gửi hàng vào kho cảng khi tàu không đến

CFR –Tiền hàng và cước phí trả tới

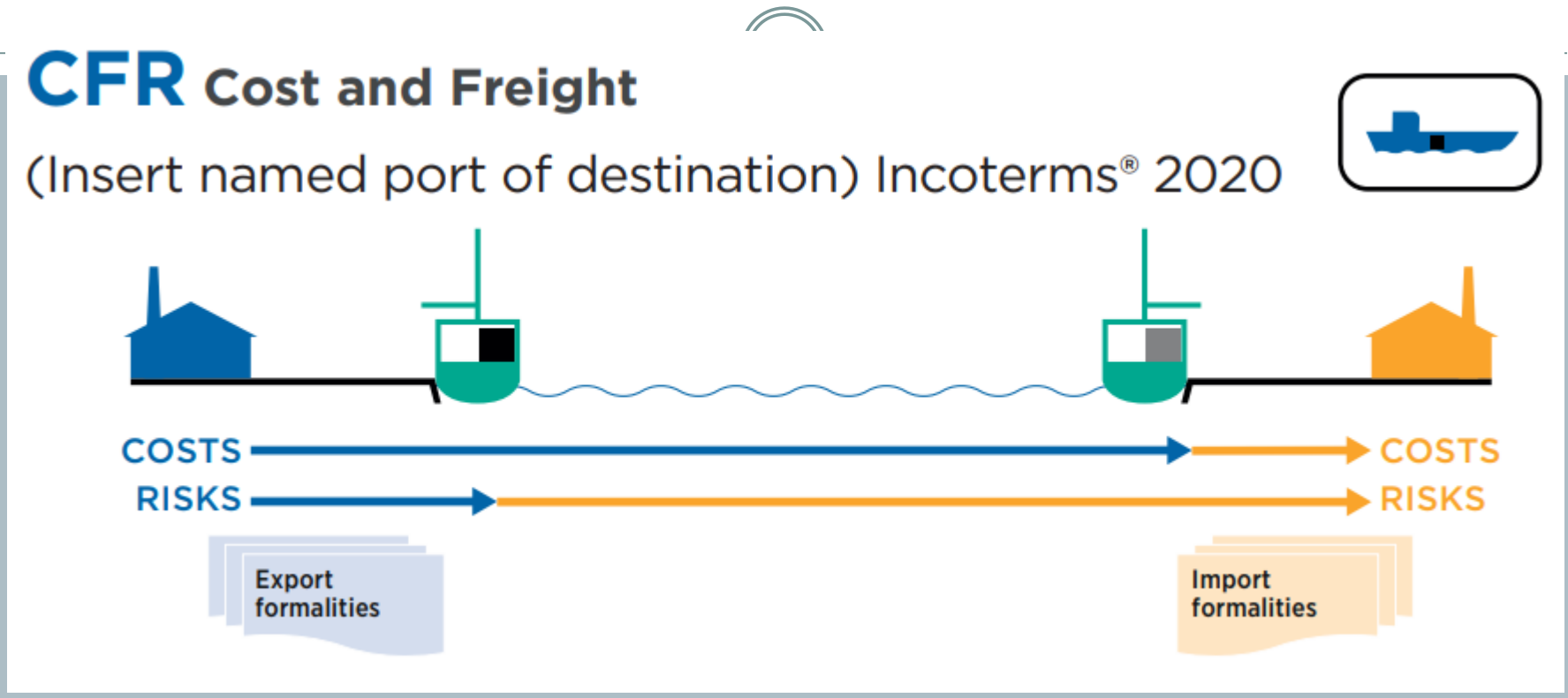

Quy định: CFR cảng đích, Incoterms 2020.

Ví dụ: CFR cảng Đà Nẵng, Việt Nam, Incoterms 2020

- Người bán hoàn thành nghĩa vụ giao hàng khi hàng hóa được giao lên tàu tại cảng giao hàng quy định.

Bên bán phải trả tiền hàng và cước phí để mang hàng tới cảng đích quy định NHƯNG lưu ý là rủi ro về hư hỏng và mất mát của hàng hóa đã chuyển từ bên bán sang bên mua kể từ khi hàng hóa đã đc giao lên tàu ở cảng bốc hàng quy định hoặc mua được hàng hóa đã sẵn sàng để giao như vậy.

Công thức: CFR = FOB + F

CIF – Giao hàng tại cảng

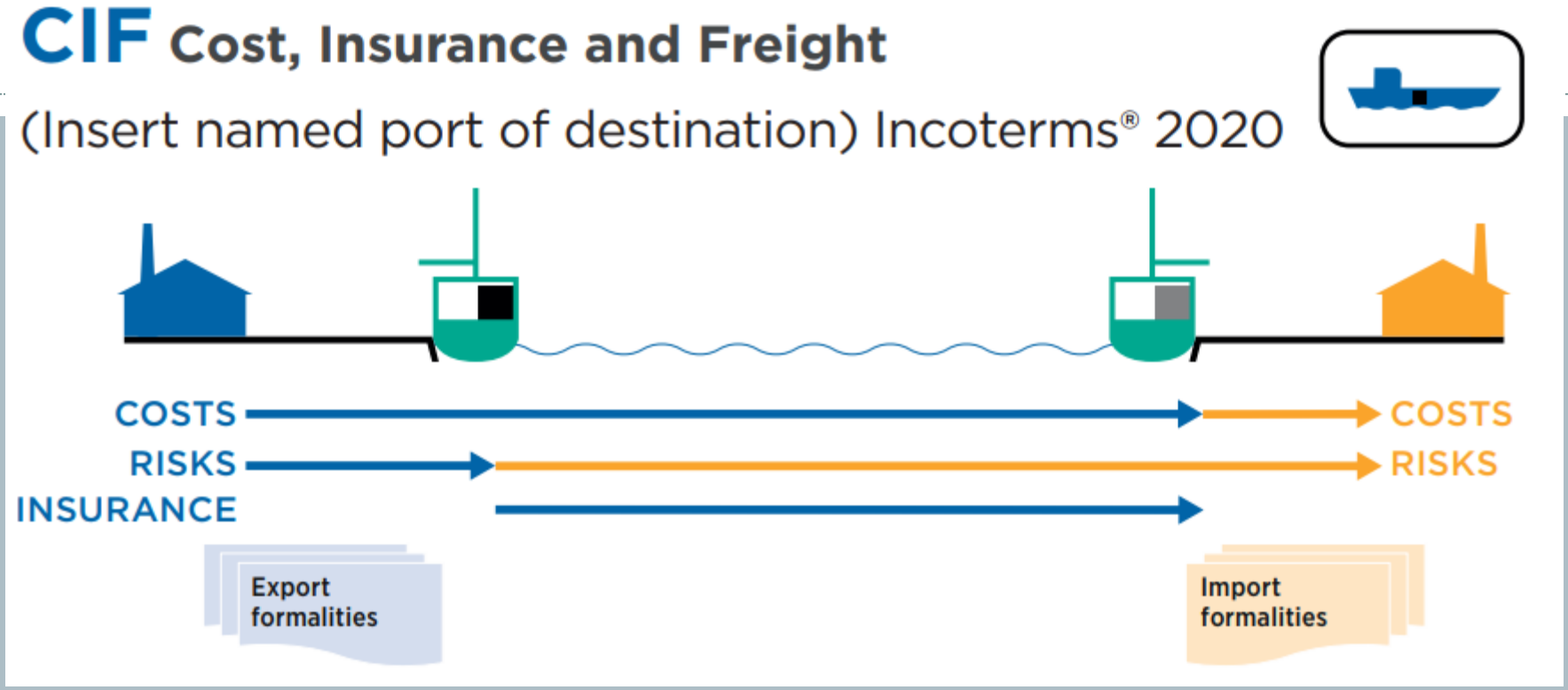

Quy định: CIF cảng đích, Incoterms 2020.

Ví dụ: CIF cảng Đà Nẵng, Việt Nam, Incoterms 2020

- Người bán hoàn thành nghĩa vụ giao hàng khi hàng hóa được giao lên tàu tại cảng giao hàng quy định.

- Người bán phải trả tiền hàng và cước phí cần thiết để mang hàng tới cảng dỡ đích đến, rủi ro về mất mát và hư hỏng của hàng hóa đã chuyển từ người bán sang người mua khi hàng đã giao lên tàu ở cảng đi (giống FOB)
- Người bán phải ký kết hợp đồng vận tải và bảo hiểm và trả phí bảo hiểm.

+ Điều kiện ICC - C (điều kiện tối thiểu) hoặc điều kiện bảo hiểm tương tự.

+ Mua tại 1 công ty bảo hiểm có uy tín để người mua hoặc bất kỳ người nào khác được hưởng lợi bảo hiệm có thể đòi bồi thường trực tiếp từ Công ty bảo hiểm.

+ Giá trị bảo hiểm = 110% Giá CIF (10% là lãi dự tính của người mua cho lô hàng)

+ Mua bằng đồng tiền của hợp đồng

+ Giấy chứng nhận bảo hiểm hay đơn bảo hiểm hoặc bất kỳ bằng chứng bảo hiểm nào.

- Người bán đã phải làm thủ tục thông quan xuất khẩu cho hàng hóa.
- **Công thức: CIF= FOB+ F+I**

CIF = FOB+F/(1-R) = CFR/(1-R)

- F: Liên quan tới việc thuê tàu: Ai thuê, ai chịu chi phí, thuê tầu như thế nào?...
- I :Như thế nào? Ai mua, Mua ở đâu, mua theo điều kiện gì, mua bằng đồng tiền gì?

→Thực chất tất cả các chi phí liên quan tới I và F là ai phải trả???

CIF – Cost, Insurance and Freight + cảng đích
Giao hàng tại cảng

Người bán

- Giống FOB: giao hàng đúng hợp đồng, cân đo đong đếm, đóng gói bao bì, thông quan xuất khẩu, ranh giới di chuyển rủi ro tổn thất hàng hóa, thông báo sau khi giao hàng, giúp người mua một số công việc.
- Thuê tàu, trả cước phí chặng vận tải chính, mua bảo hiểm (insurance policy/certificate)
- Cung cấp B/L, chứng từ bảo hiểm
- Trả phí dỡ hàng nếu phí này nằm trong cước phí vận tải

CIF – Cost, Insurance and Freight cảng đích
Giao hàng tại cảng

Người mua

- Nhận hàng và trả tiền hàng
- Làm thủ tục nhập khẩu
- Chịu mọi rủi ro về hàng hóa kể từ khi hàng được giao lên tàu tại cảng bốc
- Phải chấp nhận các chứng từ vận tải như quy định
- Thông báo cho người bán
- Các nghĩa vụ khác

Lưu ý với CIF

- Địa điểm di chuyển rủi ro ≠ địa điểm di chuyển chi phí
- Người mua chú ý tới thời gian dành cho việc dỡ hàng tại nơi đến, điều này ảnh hưởng tới việc nhận hàng của người mua cũng như việc thưởng phạt bốc dỡ hàng.
- Nếu không có ý định giao hàng qua lan can tàu, giao container thì nên sử dụng CIP thay CIF. Mối quan hệ giữa CIF và CIP tương tự như mối quan hệ giữa FOB và FCA

11 điều kiện cơ sở giao hàng

- Mức độ trách nhiệm tăng dần từ địa điểm Bên Bán sang địa điểm Bên Mua

- Sắp xếp từ mức độ trách nhiệm thấp nhất đến mức độ trách nhiệm cao nhất của Bên Bán

- Nhóm E: EXW

✓ Bên Bán đặt hàng hóa dưới toàn quyền của Bên Mua tại địa điểm/ kho hàng của Bên Bán.

- Nhóm F: FCA, FAS, FOB
  - Bên Bán trao hàng hóa cho người vận chuyển đầu tiên; Bên Mua chịu chi phí và rủi ro của chặng vận tải chính.
- Nhóm C: CFR, CIF, CPT, CIP
  - Bên Bán thu xếp và chịu chi phí của chặng vận tải chính, nhưng không chịu rủi ro phát sinh trên chặng vận tải này.
- Nhóm D: DAP, DPU, DDP
  - Bên Bán chịu mọi chi phí vận chuyển và rủi ro cho đến điểm đích giao hàng.

4. Lưu ý khi sử dụng Incoterms

- Không bắt buộc sử dụng;
- Không thay thế cho hợp đồng;
- Phải dẫn chiếu phiên bản áp dụng;
- Chỉ áp dụng với giao dịch hàng hữu hình;
- Chỉ giải thích những vấn đề chung nhất về trách nhiệm của người bán và người mua liên quan đến giao nhận hàng, nghĩa vụ vận chuyển, bảo hiểm …;
- Có thể tăng giảm nghĩa vụ nhưng không làm thay đổi bản chất các điều kiện

4. Lưu ý khi sử dụng Incoterms

- Chọn điều kiện phù hợp: phù hợp với hàng hóa, phương tiện vận tải
- ✓ VD: Hợp đồng mua bán than không thể quy định là FCA tại sân bay, vì không sử dụng máy bay để chở than, mà thường dùng tàu biển để chở (nên chọn FOB).
- ✓ VD: Vận chuyển bằng máy bay sẽ không sử dụng điều kiện FOB hay CFR, CIF mà thay bằng FCA, CPT và CIP.
- Incoterms 2020 dùng cho cả TMQT và nội địa

Bài tập tình huống

Tính giá chào bán?

Người mua gửi yêu cầu chào giá CIF Stowed Landed Manila Port (Philippines), Incoterm 2020 cho 10000 MTS gạo niên vụ 2021 – 2022

Biết rằng:

+ 350 USD/MT giá FOB HCM port
+ Tỉ lệ phí bảo hiểm R(A) = 0.4%, R(B) = 0.3%, R(C)=0.25%
+ Cước vận tải HCM-Manila: USD48/MT, FIOST
+ Lãi dự tính: 10%/CIF Stowed Landed
+ Phí bốc hàng: USD 15/MT
+ Xếp hàng trong hầm tàu: USD 8/MT
+ Dỡ hàng lên cầu cảng: USD 8/MT
+ Đưa hàng vào bãi: USD 10/MT

TRƯỜNG HẢI QUAN VIỆT NAM

VẬN TẢI TRONG NGOẠI THƯƠNG

ALLPPT.com _ Free PowerPoint Templates, Diagrams and Charts

Nội dung chuyên đề

I. Khái quát về vận tải trong ngoại thương

II. Vận tải đường biển

III. Vận tải đường hàng không

IV. Các loại hình vận tải khác

I. Khái quát về vận tải trong ngoại thương

1. Vận tải quốc tế
2. Phân chia trách nhiệm vận tải trong HĐMBQT
3. Chi phí vận tải trong ngoại thương

1. Vận tải quốc tế

* Khái niệm:

Vận tải quốc tế là hình thức chuyên chở hàng hóa hoặc hành khách giữa hai hay nhiều nước với nhau, tức là điểm đầu và điểm cuối của quá trình vận tải nằm trên lãnh thổ của hai nước khác nhau.

* Đặc điểm của vận tải quốc tế:

- Diễn ra trên lãnh thổ của hai nước trở lên.
- Điểm đi và điểm đến phải thuộc hai nước khác nhau.
- Các mối quan hệ phát sinh do các quy phạm pháp luật quốc tế điều chỉnh.

1. Vận tải quốc tế

* Phân chia trách nhiệm vận tải trong thực hiện HĐMBQT:

➲ Căn cứ vào điều kiện CSGH trong HĐMBQT

➲ Phân biệt

- Quyền về vận tải: Là quyền và nghĩa vụ tổ chức quá trình chuyên chở hàng hóa và thanh toán cước phí trực tiếp với người chuyên chở.
- Quyền thuê tàu: Là quyền vận tải trong chuyên chở hàng hóa bằng đường biển.

➲ Phân chia: gồm 3 nhóm

Nếu dẫn chiếu ĐKCSGH theo Incoterms 2020:

1. Vận tải quốc tế

* Phân chia: gồm 3 nhóm

Nếu dẫn chiếu ĐKCSGH theo Incoterms 2020:

+ **Nhóm 1**: Quyền vận tải thuộc về người nhập khẩu.

Gồm các điều kiện cơ sở giao hàng: EXW, FCA.

+ **Nhóm 2**: Quyền vận tải thuộc về người xuất khẩu.

Gồm các điều kiện cơ sở giao hàng: CPT, CIP, DDP.

+ **Nhóm 3**: Quyền VT được phân chia giữa người XK và người NK, tức là người XK chịu một phần trách nhiệm vận tải, còn một phần khác thuộc về người NK.

Gồm các điều kiện cơ sở giao hàng: FAS, FOB, CFR, CIF, DPU, DAP.

1. Vận tải quốc tế

* Chi phí vận tải trong ngoại thương:

  Là toàn bộ chi phí liên quan đến quá trình chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu từ nơi gửi hàng đầu tiên đến nơi nhận hàng cuối cùng.

Cấu phần: Cước phí vận tải, chi phí xếp dỡ hàng hóa ở các điểm vận tải, chi phí bảo quản trong quá trình vận tải và các phụ phí liên quan.

Phụ phí: BAF, CAF, PSS, WRC, PCS, CIC

Phí THC là phí được trả cho hãng tàu cho việc tiếp nhận một container xếp đầy hàng tại bến container, lưu bãi và giao container đó cho tàu tại cảng xếp hàng hoặc cho việc tiếp nhận container từ tàu tại cảng dỡ hàng, lưu bãi và giao container đó cho người nhận hàng

Chi phí vận tải → giá hàng hóa → giá tính thuế NK

II. Vận tải đường biển

* Đặc điểm

* Vận đơn đường biển:

- Khái niệm
- Chức năng
- Phân loại
- Nội dung
- Sử dụng

II. Vận tải đường biển – Đặc điểm

- Ưu điểm:
- Chuyên chở tất cả các loại hàng hóa;
- Không tốn chi phí đầu tư do là những tuyến đường tự nhiên;
- Năng lực chuyên chở lớn;
- Giá thành thấp, cự ly vận chuyển linh hoạt.

- Nhược điểm:
- Phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, hàng hải;
- Tốc độ tàu biển thấp và tăng tốc độ khai thác tàu biển hạn chế.

Vận đơn đường biển

* Khái niệm:

- Vận đơn đường biển là chứng từ chuyên chở hàng hóa bằng đường biển do người chuyên chở hoặc đại diện của người chuyên chở cấp phát cho người gửi hàng sau khi hàng hóa được xếp lên tàu hoặc sau khi nhận hàng để xếp.
- Vận đơn đường biển là một chứng từ pháp lý quan trọng trong bộ hồ sơ Hải quan để làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa.

Vận đơn đường biển

* **Chức năng:** vận đơn đường biển có 3 chức năng cơ bản sau:

+ Là bằng chứng của hợp đồng chuyên chở

+ Là biên lai nhận hàng để chở của người chuyên chở, cấp cho người gửi hàng

Vận đơn là "bằng chứng về việc người vận chuyển đã nhận lên tầu số hàng hóa với số lượng, chủng loại, tình trạng như ghi rõ trong vận đơn để vận chuyển đến nơi trả hàng

+ Là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu hàng hóa ghi trên vận đơn → mua bán hàng hóa còn đang trên đường chuyên chở bằng chuyển nhượng B/L

Vận đơn đường biển

*** Phân loại:**

- **Căn cứ vào trình trạng xếp dỡ:**

  + Vận đơn xếp hàng (Shipped on board B/L): cấp khi hàng đã thực sự xếp lên tàu → phân biệt ngày phát hành B/L, ngày xếp hàng và ngày giao hàng

  + Vận đơn nhận hàng để xếp (Received for shipment B/L): cấp khi nhận hàng để xếp lên tàu → áp dụng cho hàng container.

- **Căn cứ vào phê chú của thuyền trưởng**

  + Vận đơn hoàn hảo (clean B/L): B/L không có ghi chú, nhận xét xấu về tình trạng bên ngoài của hàng.

  + Vận đơn không hoàn hảo (unclean B/L): có ghi chú xấu về hàng.

Vận đơn đường biển

* **Phân loại:**

➢ **Căn cứ vào quyền chuyển nhượng sở hữu hàng:**

+ Vận đơn đích danh (straight B/L): ghi rõ tên, địa chỉ của người nhận hàng. Người có tên mới nhận được hàng → hàng hóa không có giá trị thương mại trong quá trình vận chuyển

+ Vận đơn theo lệnh (B/L to order): không ghi rõ tên người nhận. Ghi theo lệnh của người gửi hàng, nhận hàng hoặc ngân hàng-> có thể chuyển nhượng bằng ký hậu.

+ Vận đơn vô danh (B/L to bearer): rủi ro với người gửi hàng vì người nào có B/L đều nhận được hàng.

Vận đơn đường biển

*** Phân loại:**

- **Căn cứ vào hành trình hàng hóa**

  + Vận đơn đi thẳng (Direct B/L): cảng đi -> đến

  + Vận đơn chở suốt (Through B/L): đi bằng 2 hoặc nhiều con tàu, có chuyển tải

  + Vận đơn vận tải liên hợp (Combined transport B/L): dùng 2 hoặc nhiều phương thức vận tải, trong đó có vận tải đường biển.

- **Căn cứ vào giá trị sử dụng:**

  + Vận đơn gốc (original B/L)

  + Vận đơn copy (copy B/L)

Vận đơn đường biển

*** Phân loại:**

- Vận đơn tàu chợ(Lines B/L)
- Vận đơn tàu chuyến (Voyage B/L)
- Vận đơn đến chậm (stable B/L)
- Vận đơn của người giao nhận (forward's B/L)
- Vận đơn xuất trình ở cảng đi (surrender B/L): hàng đã đến cảng nhưng người nhận hàng chưa nhận được B/L gốc.
- Vận đơn gom hàng (House B/L)
- Giấy gửi hàng đường biển (Sea waybill): bằng chứng HĐVT và là biên lai nhận hàng.

Vận đơn đường biển

* Nội dung

Mặt trước:

- ✓ Tên, địa chỉ người phát hành B/L
- ✓ Số vận đơn
- ✓ Người xếp hàng
- ✓ Người nhận hàng: vận đơn theo lệnh/đích danh/vô danh

Vận đơn theo lệnh: ghi rõ theo lệnh của người gửi/người xếp hàng/Ngân hàng)

- ✓ Địa chỉ thông báo
- ✓ Số bản vận đơn gôc phát hành: 3/3
- ✓ Thông tin về tàu vận chuyển

Vận đơn đường biển

* Nội dung

Mặt trước:

- ✓ Cảng xếp – cảng dỡ, cảng chuyển tải (nếu có)
- ✓ Những thông tin về hàng: chủng loại hàng, kích thước, thể tích, số lượng, trọng lượng, giá trị
- ✓ Cước phí: Freight prepaid/Freight to collect/Freight payable at destination/Freight prepaid as arranged
- ✓ Ngày xếp hàng lên tàu hay ngày nhận hàng
- ✓ Ngày và nơi phát hành B/L
- ✓ Ý kiến của thuyền trưởng: mô tả tình trạng bên ngoài hay bao bì của hàng hóa
- ✓ Ký vận đơn: Thời điểm và địa điểm, chữ ký của người vận chuyển

Vận đơn đường biển

Mặt sau: được in sẵn, miễn đàm phán

- ✓ Các định nghĩa
- ✓ Điều khoản tối cao
- ✓ Trách nhiệm của người chuyên chở
- ✓ Cước, phụ phí
- ✓ Xếp, dỡ và giao hàng
- ✓ Cầm giữ hàng
- ✓ Chậm giao hàng
- ✓ Tổn thất chung
- ✓ Chiến tranh, đình công, nổi loạn, ...

Vận đơn đường biển

* Sử dụng:

➢ **Đối với người XK:**

- Dùng B/L chứng minh đã giao hàng
- Dùng B/L cùng các chứng từ khác lập thành bộ chứng từ thanh toán tiền hàng

➢ **Đối với người chuyên chở**

- Dùng B/L để phát hành khi nhận hàng để chở
- Dùng B/L làm cơ sở giao hàng tại cảng đến
- Thu hồi B/L làm bằng chứng đã hoàn thành nghĩa vụ chuyên chở

Vận đơn đường biển

* Sử dụng:

➢ **Đối với người NK:**

- Dùng B/L để xuất trình nhận hàng
- Dùng B/L để theo dõi lượng hàng hóa người bán gửi cho mình
- Dùng B/L làm chứng từ cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng

III.Vận tải đường hàng không

* Đặc điểm:

* Vận đơn hàng không (Airwaybill):

- Khái niệm
- Chức năng
- Phân loại
- Nội dung
- Lập và phân phối
- Sử dụng

III.Vận tải đường hàng không

* Đặc điểm:

1. Ưu điểm:

- Vận tải xuyên suốt nối 2 điểm đi và đến;
- Tốc độ khai thác lớn, thời gian vận chuyển nhanh;
- Đơn giản về chứng từ, thủ tục;
- Cung cấp dịch vụ tiêu chuẩn hóa.

2. Nhược điểm:

- Cước VT cao;
- Không phù hợp với chuyên chở hàng cồng kềnh, khối lượng lớn hay trị giá thấp;
- Đầu tư cơ sở hạ tầng lớn và đào tạo nhân lực.

Vận đơn hàng không

* Khái niệm: Vận đơn hàng không là một chứng từ vận chuyển hàng hóa và là bằng chứng của việc ký kết hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng máy bay về điều kiện của hợp đồng và việc đã tiếp nhận hàng hóa để vận chuyển.

Chức năng:

- Là bằng chứng của hợp đồng chuyên chở đã được ký kết giữa người chuyên chở và người gửi hàng
- Là bằng chứng của việc nhận hàng để chở của người chuyên chở hàng không
- Là hóa đơn thanh toán cước phí (nếu trên AWB thể hiện cước phí và chi phí đã thu)
- Là giấy chứng nhận bảo hiểm (khi chủ hàng mua bảo hiểm tại hãng hàng không)
- Là chứng từ khai báo hải quan
- Là bản hướng dẫn đối với nhân viên hàng không

→ Điểm khác biệt quan trọng của B/L and AWB?

* Phân loại:

- **Căn cứ vào người phát hành:**

- Vận đơn của hãng hàng không (Airline AWB): có ghi biểu tượng và mã nhận dạng của hãng.

- Vận đơn trung lập (Neutral AWB): đại lý người chuyên chở hay người giao nhận phát hành

- **Căn cứ vào dịch vụ gom hàng:**

- Vận đơn chủ (Master AWB): hãng hàng không cấp cho người gom hàng nếu lô hàng có nhiều người gửi và nhiều người nhận.

- Vận đơn gom hàng (House AWB): mà người gom hàng/ giao nhận cấp cho người gửi hàng khi người gửi hàng giao hàng lẻ cho người gom hàng

406 - [AIRPORT OF DEPARTURE] -0000 0000 406 - 0000 0000

SHIPPER'S NAME AND ADDRESS 1 | SHIPPER'S ACCOUNT NUMBER

NOT NEGOTIABLE

AIR WAYBILL

(AIR CONSIGNMENT NOTE)

Copies 1, 2, and 3 of this Air Waybill are originals and have the same validity.

It is agreed that the goods described herein are accepted in apparent good order and condition (except as noted) for carriage SUBJECT TO THE CONDITIONS OF CONTRACT ON THE REVERSE HEREOF. ALL GOODS MAY BE CARRIED BY ANY OTHER MEANS INCLUDING ROAD OR ANY OTHER CARRIER UNLESS SPECIFIC CONTRARY INSTRUCTIONS ARE GIVEN HEREON BY THE SHIPPER, AND SHIPPER AGREES THAT THE SHIPMENT MAY BE CARRIED VIA INTERMEDIATE STOPPING PLACES WHICH THE CARRIER DEEMS APPROPRIATE. THE SHIPPER'S ATTENTION IS DRAWN TO THE NOTICE CONCERNING CARRIER'S LIMITATION OF LIABILITY. Shipper may increase such limitation of liability by declaring a higher value for carriage and paying a supplemental charge if required.

CONSIGNEE'S NAME AND ADDRESS 2 | CONSIGNEE'S ACCOUNT NUMBER

Received in good order and condition at 16 (Place) on 17 (Date/Time) 18

Signature of Consignee or his agent 19

ISSUING CARRIER'S AGENT NAME AND CITY

ALSO NOTIFY NAME AND ADDRESS *(OPTIONAL ACCOUNTING INFORMATION)* 20

AGENT'S IATA CODE | ACCOUNT NO.

AIRPORT OF DEPARTURE (ADDRESS OF FIRST CARRIER) AND REQUESTED ROUTING 3

ROUTING AND DESTINATION TO	BY FIRST CARRIER	TO	BY	TO	BY

CURRENCY	CHGS CODE	WT/VAL PPD	WT/VAL COLL	OTHER PPD	OTHER COLL	DECLARED VALUE FOR CARRIAGE	DECLARED VALUE FOR CUSTOMS 5

AIRPORT OF DESTINATION 4 | FOR CARRIER USE ONLY: FLIGHT/DATE | FLIGHT/DATE | AMOUNT OF INSURANCE | INSURANCE - If shipper requests insurance in accordance with conditions on reverse hereof, indicate amount to be insured in figures in box marked amount of insurance.

HANDLING INFORMATION 6

The shipper certifies that these commodities, technology or software were exported from the United States in accordance with the Export Administration Regulations. Diversion contrary to U.S. law is prohibited.

NO. OF PIECES RCP 7	GROSS WEIGHT 8	K/L 8a	RATE CLASS / COMMODITY ITEM NO.	CHARGEABLE WEIGHT 9	RATE / CHARGE 9a	TOTAL 9b	NATURE AND QUANTITY OF GOODS (INCL. DIMENSIONS OR VOLUME) 10

PREPAID / WEIGHT CHARGE / COLLECT		P.U.P. ZONE PICKUP CHARGES	OTHER CHARGES
A.		B.	
VALUATION CHARGE		DEL. ZONE DELIVERY CHARGES	
D.		C.	
TAX		SHIPPER'S R.F.C. (AMOUNT TO BE ENTERED BY SHIPPER)	
I.		J.	
TOTAL OTHER CHARGES DUE AGENT		Shipper certifies that the particulars on the face hereof are correct and that **insofar as any part of the consignment contains dangerous goods, such part is properly described by name and is in proper condition for carriage by air according to applicable Dangerous Goods Regulations.**	
TOTAL OTHER CHARGES DUE CARRIER		11	
R.	S.	**SIGNATURE OF SHIPPER OR HIS AGENT**	
TOTAL PREPAID	TOTAL COLLECT	**EXECUTED ON**	
CURRENCY CONVERSION RATES	TOTAL COLLECT IN DESTINATION CURRENCY	12 (Date) 13 (Time) 14 at 15 (Place)	**SIGNATURE OF ISSUING CARRIER OR ITS AGENT**
FOR CARRIER'S USE ONLY AT DESTINATION (ALL COLLECT CHARGES IN DESTINATION CURRENCY)	**CHARGES AT DESTINATION**	**TOTAL COLLECT CHARGES**	406 - 0000 0000

028723 3/06 RRD

NO. 3 ORIGINAL FOR SHIPPER

Vận đơn hàng không

* Nội dung mặt 1:

- Mặt 1 của tờ vận đơn bao gồm các ô, cột, dòng in sẵn để trống do người chuyên chở điền.
- Một số nội dung cần lưu ý:

  + Tên và địa chỉ người chuyên chở phát hành AWB

  + Số vận đơn

  + Tên và địa chủ của các bên

  + Thông tin hàng hóa

  + Thông tin hành trình, cước phí, thông tin chuyến bay

Vận đơn hàng không

* Nội dung mặt 2:

Được in sẵn các điều kiện chuyên chở. Những nội dung này chính là những nội dung cơ bản của nguồn luật quốc tế điều chỉnh AWB (Công ước Vacsava 1929 và các văn bản sửa đổi bổ sung Vacsava qua các thời kỳ):

- Thông báo liên quan tới trách nhiệm của người chuyên chở;
- Các điều kiện HĐ.

Lập và phân phối AWB

- **Lập AWB:**

✓ Lập AWB là điền thông tin vào các ô, cột, dòng đã được in sẵn theo yêu cầu của mẫu vận đơn

✓ Các nguồn luật quốc tế quy định, trách nhiệm lập AWB thuộc người gửi hàng

- **Phân phối AWB:**

Khi phát hành AWB cho một lô hàng, người ta phát hành một bộ vận đơn khoảng 9-12 bản (3 bản gốc đánh số 1,2,3 dành cho người chuyên chở phát hành AWB, các bản 4-12 là các bản copy dùng cho quá trình vận chuyển và giao nhận hàng hóa

- **Phân phối AWB:**

- Bản gốc số 1, dành cho người chuyên chở, màu xanh lá cây nhằm thanh toán và để dùng làm bằng chứng của hợp đồng vận chuyển, có chữ ký của người gửi hàng.
- Bản gốc số 2, dành cho người nhận hàng, màu hồng, được gửi cùng lô hàng tới nơi đến cuối cùng và giao cho người nhận khi giao hàng.
- Bản gốc số 3 dành cho người gửi hàng, bằng chứng của việc người chuyên chở đã nhận hàng để chở và làm bằng chứng của hợp đồng chuyên chở, có chữ ký của cả người chuyên chở và người gửi hàng.

- Bản số 4, là biên lai giao hàng, có sẵn ở nơi đến cuối cùng, làm biên lai giao hàng và làm bằng chứng là người chuyên chở đã hoàn thành hợp đồng VT.
- Bản số 5, dành & có sẵn ở sân bay đến.
- Bản số 6/7, dành cho người chuyên chở thứ 3/2, dùng khi hàng được chuyên chở tại sân bay thứ 3/2.
- Bản số 8, dành cho người chuyên chở thứ 1, được bộ phận chuyển hàng hóa của người chuyên chở đầu tiên giữ lại khi làm hàng.
- Bản số 9, dành đại lý, bản này được người đại lý hay người chuyên chở phát hành giữ lại.
- Bản số 10 đến 12, là những bản chỉ dùng cho chuyên chở khi cần thiết.

Vận đơn hàng không

* Sử dụng:

- Dùng trong giao nhận và vận chuyển
- Dùng để thanh toán tiền hàng và cước phí
- Dùng làm thủ tục cho hàng hóa XNK, khai báo Hải quan
- Dùng làm chứng từ trong khiếu nại và kiện tụng những người có liên quan

Giới thiệu một số loại chứng từ vận tải

BOOKING NOTE

NO. JKT0908020 B

DATE: August 20, 2009

STUFFING PLACE: ICD TRANSIMEX

CLOSING TIME: 11:00 AM 22-Aug

FEEDER VLS: ASIAN GYRO V.063S **ETD:** August 24, 2009

PORT OF LOADING:

TRANSHIPMENT PORT: **ETD:**

TRANSHIPMENT INTENDERED VSL/ VOY:

PORT OF DISCHARGE: JAKARTA **ETA:** August 28, 2009

FINAL DESTINATION: JAKARTA

SHIPPER: NORTH FREIGHT

Q'TY	GW	VOLUME
* MARK		2

* ĐỀ NGHỊ QUÝ KHÁCH KHÔNG RA HÀNG TRƯỚC CLOSING TIME 36 GIỜ ĐỂ TRÁNH PHÍ LƯU KHO BÃI.

*** CONTACT PERSON IN ICD TRANSIMEX**

MR PHUONG HP: 0919097472

MR NHI HP: 0908336647

MR THINH HP: 0914283676

*** DIRECT SERVICE FROM HCM CITY TO:**

→ JAPAN, KOREA, SINGAPORE, HONGKONG, HAMBURG, SOUTHAMPTON, ANTWERP ROTTERDAM, AUSTRALIA, DUBAI, TAIWAN, THAILAND, MALAYSIA, INDONESIA, USA..

LƯU Ý:

* PHÍ CFS: 70.000 VND/CBM TỪ NGÀY 03/11/2008 ĐỐI VỚI HÀNG ĐÓNG Ở CÁC CẢNG ICD
* VUI LÒNG LIÊN HỆ VỚI NGƯỜI ĐÓNG HÀNG 04 GIỜ TRƯỚC KHI ĐÓNG HÀNG
* KHÔNG NHẬN HÀNG NGUY HIỂM
* YÊU CẦU THÔNG BÁO TRƯỚC CHO CHÚNG TÔI NẾU MẶT HÀNG LÀ HÀNG CÁ NHÂN (PERSONAL EFFECT
* VUI LÒNG GỬI ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN AMS CÙNG LÚC VỚI CHI TIẾT LÀM BILL CHO HÀNG ĐI MỸ
* HÀNG HÓA CHẤT LIỆU GỖ HOẶC ĐÓNG TRONG KIỆN GỖ CÁC LOẠI XUẤT ĐI CÁC CẢNG THUỘC MỸ, CANADA, CHÂU ÂU, ÚC, NHẬT, TRUNG QUỐC, TAIWAN VÀ CÁC NƯỚC CÓ QUY ĐỊNH HUN TRÙNG PHẢI CÓ GIẤY CHỨNG NHẬN HUN TRÙNG.
* VUI LÒNG BÁO TRƯỚC ĐỐI VỚI CÁC LÔ HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG HOẶC CÓ SỰ THAY ĐỔI VỀ KHỐI LƯỢNG.
* GỬI CHỨNG TỪ TRƯỚC HOẶC TRONG NGÀY TÀU CHẠY.

2. Biên

MATE'S RECEIPT

Date : April 25, 2002

I undersigned as the Mate of M/V " INTAN JAYA " received the following items :

1. **Shipper** :
   HUU NGHI IMPORT EXPORT TRADING MANUFACTURING Co. (VINANIMEX).

2. **Consignee** :
   To order of " KOPERASI SERBA USAHA (KSU) CITRA SRIWIJAYA "
   Add : Jln. Atot Ahmad No. 156 Porumnas II Pontianak, Indonesia
   Tel : (62-561) 77 52 69 - 77 62 39

3. **Commodity** :
   (a). VIETNAMESE LONG GRAIN WHITE RICE
   (b) Spare empty PP bags

4. **Quantity** :
   (a). Vietnamese Long Grain White Rice
   Net weight : 2,442.20 mt
   Gross weight : 2,447.08 mt
   Number of bags : 45,844 bags
   (b). Spare empty bags : 1% of number of bags

5. Loading port : Cantho port, Vietnam

6. **Discharging port** : Pontianak port, Indonesia

Chief Officer of
M/V INTAN JAYA

HAJI[illegible] J. LIM

Shipper/Exporter 3028307 EXEDY (THAILAND) CO.,LTD. 700/316 MOO 6,BANGNA-TRAD ROAD,TAMBOL DON HUA ROH,AMPHUR MUANG CHONBURI 20000 THAILAND	Consolidation No. 6051CSL102573 B/L NO. 605140033460 Export References HPH120208
Consignee 30295519 EXEDY VIETNAM CO.,LTD. KHAI QUANG INDUSTRIAL ZONE, VINH YEN TOWN,VINH PHUC PROVINCE, VIETNAM	Party To Contact 6202 KINTETSU WORLD EXPRESS (VIETNAM), INC. HA NOI BRANCH ROOM 209, NOI BAI HOTEL. NOI BAI INTERNATIONAL AIRPORT SOC SON HANOI
Notify Party 30295519 EXEDY VIETNAM CO.,LTD. KHAI QUANG INDUSTRIAL ZONE, VINH YEN TOWN,VINH PHUC PROVINCE, VIETNAM	**COPY** **NON-NEGOTIABLE** ALL TERMS, CONDITIONS AND EXCEPTIONS AS PER ORIGINAL BILL OF LADING

Pre-Carriage By	Place of Receipt BANGKOK,THAILAND	Type of Move CFS TO CFS	
Name of Vessel TRINITY V. 1205N	Voyage No.	Port of Loading BANGKOK,THAILAND	Declaration of cargo value
Port of Discharge HAIPHONG,VIETNAM	Place of Delivery HAIPHONG,VIETNAM	Final Destination For The Merchants Ref HAIPHONG,VIETNAM	

PARTICULARS FURNISHED BY MERCHANT - CARRIER HAS NOT VERIFIED

Marks & Numbers Container No./Seal No.	No. of Units or Packages	Description of Goods and Units or Packages	(KGS) Gross Weight	(CBM) Measurement
DFSU6189549/ EXEDY VIETNAM CO.,LTD. MADE IN THAILAND PO1101841 C/NO.1 PO1101858 C/NO.1 PO1101887 C/NO.1,2	2 PALLETS	SAID TO CONTAIN: 2 PALLETS MOTORCYCLE PARTS INVOICE NO.IV12001445 NON NEGOTIABLE ORIGINAL B/L SURRENDERED AT ORIGIN FREIGHT COLLECT	713.00	1.25
Total No.of Units or Packages	TWO (2) PALLETS ONLY		713.00	1.25

Freight and Charges	Rate	Per	Prepaid	Collect
FREIGHT AS ARRANGED				
Total Charges				

Nos.of Originals 3 (THREE)

Place and Date of Issue
BANGKOK THAILAND
FEB.08.2012

Prepaid at

Payable at
DESTINATION

Exchange Rate
USD 31.16000

KWE Kintetsu World Express (Thailand) Co.,Ltd.
AS CARRIER

By 605140033460

Laden on Board/Received For Shipment LADEN ON BOARD FEB.08.2012 AT BANGKOK,THAILAND	Accounting Information

B/L NO.

- Một số câu hỏi trắc nghiệm
- Giải đáp thắc mắc

TRƯỜNG HẢI QUAN VIỆT NAM

THANH TOÁN QUỐC TẾ

ALLPPT.com _ Free PowerPoint Templates, Diagrams and Charts

Nội dung chuyên đề

I. Các điều kiện về thanh toán quốc tế quy định trong HĐMBQT

II. Các phương thức thanh toán

I. Các quy định về TTQT trong HĐMBQT

- **Đồng tiền thanh toán**
- **Thời gian thanh toán**
- **Phương tiện thanh toán**
- **Phương thức thanh toán**

I. Các quy định về TTQT trong HĐMBQT

- **Đồng tiền thanh toán:** đồng tiền tính giá (đồng tiền tính toán) và đồng tiền thanh toán.

Phân loại:

- Căn cứ vào phạm vi sử dụng:

+ Tiền tệ thế giới (World currency)

+ Tiền tệ quốc tế (International currency): transferable rouble SDR , EURO

+ Tiền tệ quốc gia (National money): do NHTW phát hành theo luật pháp của nước đó. VD: USD, VND, CNY,..

I. Các quy định về TTQT trong HĐMBQT

Căn cứ vào khả năng chuyển đổi:

- Đồng tiền tự do chuyển đổi (Freely convertible currency)
- Đồng tiền chuyển đổi đối nội (Internal convertible currency)
- Đồng tiền chuyển đổi toàn phần (External convertible currency)
- Đồng tiền chuyển đổi từng phần (Partly convertible currency)
- Đồng tiền không chuyển đổi (Non-convertible currency)

I. Các quy định về TTQT trong HĐMBQT

- Căn cứ vào hình thái tồn tại của tiền tệ:

+ Tiền mặt (cash): tiền giấy và tiền kim loại của từng quốc gia.

+ Tiền tín dụng (Credit currency): được ghi trên các tài khoản, sổ sách của ngân hàng.

Căn cứ mức độ sử dụng trong dự trữ và TTQT:

+ Đồng tiền mạnh (Hard currency): USD, EUR, GBP, JPY...

+ Đồng tiền yếu (Weak currency): VND, LAK...

I. Các quy định về TTQT trong HĐMBQT

Căn cứ vào mục đích sử dụng trong TTQT:

+ Tiền tệ tính toán (Account currency): dùng để thể hiện giá cả hàng hóa và tính toán tổng giá trị HĐ ngoại thương.
+ Tiền tệ thanh toán (Payment currency): được dùng để thanh toán công nợ, thanh toán giá trị HĐ ngoại thương.

I. Các quy định về TTQT trong HĐMBQT

- **Thời gian thanh toán:**
  - Thanh toán trả trước (**Advance payment**)
  - Thanh toán trả tiền ngay (**At sight payment)**
  - Thanh toán trả tiền sau **(Defferred payment)**
  - Thanh toán hỗn hợp **(Mixed/combined payment)**

Thời gian thanh toán

1. Thanh toán trả trước

Người mua phải trả cho người bán toàn bộ hoặc một phần tiền hàng trước khi người bán chuyển giao hàng hóa dưới quyền định đoạt của người mua.

Mục đích:

- Trả tiền trước với mục đích cấp tín dụng
- Trả tiền trước với mục đích là tiền đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng (Performance Bond)

Thời gian thanh toán

2. Thanh toán trả tiền ngay

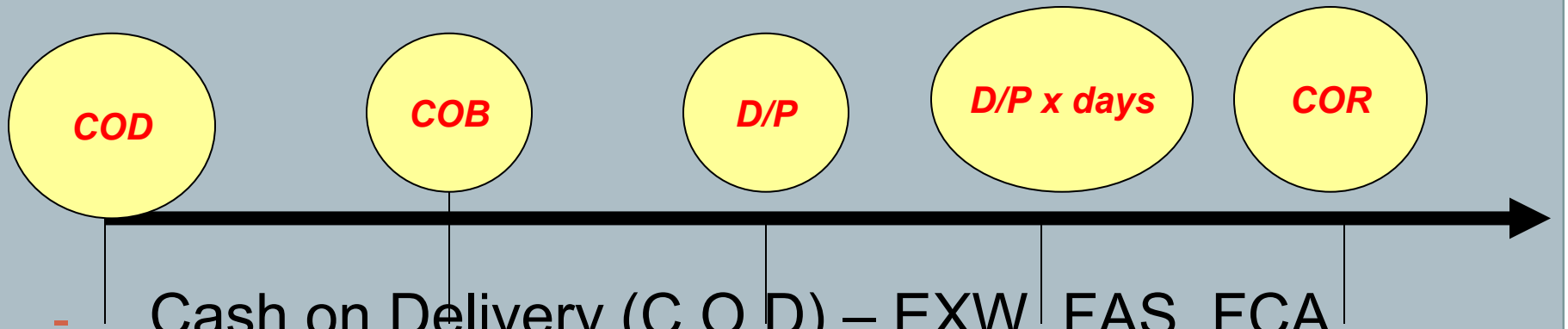

- Cash on Delivery (C.O.D) – EXW, FAS, FCA.
- Cash on Board (C.O.B) – FOB, CFR, CIF.
- At sight/Documents against payment (D/P)
- D/P x days
- Cash on receipt (C.O.R)

Thời gian thanh toán

Lấy thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa làm mốc:

- C.O.D (Cash on Delivery): việc thanh toán diễn ra ngay khi người XK đặt hàng hóa dưới quyền định đoạt của người NK nhưng hàng hóa ***chưa được bốc lên phương tiện vận tải*** – EXW, FAS, FCA, DAT.
- C.O.B (Cash on Board): việc thanh toán diễn ra ngay khi người XK đặt hàng hóa dưới quyền định đoạt của người NK ***trên phương tiện vận tải*** – FOB, CFR, CIF.

Thời gian thanh toán

- D/P (Documents against Payment): việc thanh toán diễn ra ngay khi người XK đặt bộ chứng từ hàng hóa dưới quyền định đoạt của người NK.
- D/P x days: việc thanh toán diễn ra sau một số ngày nhất định kể từ ngày người XK đặt bộ chứng từ hàng hóa dưới quyền định đoạt của người NK.
- C.O.R (Cash on Receipt): việc thanh toán diễn ra sau khi người NK nhận xong hàng hóa tại nơi quy định.

Thời gian thanh toán

3. Thanh toán trả tiền sau:

Người bán giao hàng trước và thu tiền sau (người bán cấp tín dụng cho người mua).

- C.O.D + x days
- C.O.B + x days
- x days after sight of documents

(*D/A: Documents against acceptance*)

- C.O.R + x days

Thời gian thanh toán

4. Thanh toán hỗn hợp:

a. 15% of contract's value equal 97,950.00 USD shall be paid by the buyer by TTR as down payment for the seller's bank within 20 days after contract's signing date and the buyer's receipt of bank guarantee issued by the seller's bank.

b. 75% contract value equal 489,750.00 USD shall be paid by an irrevocable letter of credit at sight opened by the buyer within 1 month after contract's signing date in favor of the seller upon presentation of the following original documents.

c. 10% contract value equal 65,300.00 USD shall be withdrawn within 20 days after signing the commissioning certificate by ABC and manufacturer

I. Các quy định về TTQT trong HĐMBQT

- **Phương tiện thanh toán:**

- Hối phiếu (Bill of Exchange)
- Kỳ phiếu (Promissory notes
- Séc thương mại (Cheque)
- Thẻ ngân hàng (Bank’s Card)
- Tiền mặt (Cash)

No: 1234AC

BILL OF EXCHANGE

Ho Chi Minh City, 01 – April – 2015

For: US dollars 100,000.20

At 90 days after sight of this FIRST Bill of Exchange (SECOND of the same tenor and date being unpaid). Pay to the order of ABC Commercial Bank the sum of US dollars one hundred thousand and cents twenty only.

Drawn under L/C No. 3568LC009 dated 15 – March – 2015

Issued by: Bank of America, San Francisco Branch
BOFAUS6H

To: Bank of America, San Francisco Branch
BOFAUS6H

LH Company Limited

LHCW

Bill of Exchange

London, 31 January 2000 Amount US$ 250,000

At 60 days after sight pay against this Sole Bill of Exchange

to the order of Ourselves

the sum of US Dollars Two hundred and fifty thousand

for value Received

To:

Singapore Import Banking Company
Bank Street
Singapore

Drawn under UK Export Banking Company Ltd, Documentary Credit Nº 12345, Dated 29 September 1999

For and on behalf of:

UK Export Company Ltd

Jas. Smith

James Smith, Director

Promissory Note

I, Jane Monroe, do promise to pay City Finance Co. the sum of $50,000. Repayment is to be made in the form of 300 equal payments at 6% interest, or $322.15 payable on the 1st of each month, beginning 8/1/2005 until the total debt is satisfied.

Signed,

Jane Monroe

7/1/2005

FIG. 152. PROMISSORY NOTE

BILL OF EXCHANGE

STAMP

Mumbai, India
January 15, 2019

₹ 1,50,000

Three months after date, pay Mr. R or his order, a sum of rupees one lakh fifty thousand, value received.

ACCEPTED
Sd/-
Mrs. Q
January 18, 2019

To,
Mrs. Q
Pune, India

Sd/-
Mr. P
Mumbai, India

I. Các quy định về TTQT trong HĐMBQT

- **Phương thức thanh toán:**

là cách thức tiến hành việc đòi và trả tiền giữa người bán và người mua được quy định trong hợp đồng mua bán quốc tế.

- Thanh toán như thế nào? (How to pay?)
- Công cụ chính cần sử dụng để thực hiện thanh toán là gì? (By what to pay?)

Lựa chọn phương thức thanh toán

- **Đối với người bán**:

- Đảm bảo thu tiền về an toàn, chính xác, đầy đủ, kịp thời.
- Giá trị thu về không bị mất giá trong trường hợp tiền tệ biến động.
- Mở rộng quan hệ buôn bán.
- Trong những điều kiện thương mại giống nhau, thu tiền càng nhanh, càng tốt.

- **Đối với người mua:**

- Đảm bảo nhận hàng đúng số lượng, chất lượng, thời hạn.
- Mở rộng quan hệ buôn bán.
- Trong những điều kiện thương mại giống nhau, trả tiền càng chậm càng tốt.

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

NHÓM PTTT KHÔNG KÈM CHỨNG TỪ

- **Chuyển tiền** (*Remittance*)
- **Ghi sổ** (*Open account*)
- **Bảo lãnh** (*letter of guarantee - L/G*)
- **Nhờ thu trơn** (*clean collection*)
- **Stand-by L/C**

ĐẶC ĐIỂM

- Việc thanh toán chỉ dựa vào thực tế giao hàng
- Quyền lợi của Người mua được đảm bảo hơn
- Ngân hàng chỉ đóng vai trò trung gian
- Chưa sử dụng hết các chức năng của NH

NHÓM PTTT KÈM CHỨNG TỪ

- **Nhờ thu kèm chứng từ** (*Documentary collection*)
- **Tín dụng chứng từ** (*Documentary credits*)
- **Thư ủy thác mua** (*authority to purchase - A/P*)

ĐẶC ĐIỂM

- Việc thanh toán dựa vào chứng từ gắn TTQT với giao nhận vận tải QT
- Quyền lợi của Người bán được đảm bảo hơn
- Vai trò của NH được phát huy triệt để
- Sử dụng các chức năng của NH

I. Các phương thức thanh toán

Các doanh nghiệp Việt nam thường áp dụng trong thanh toán quốc tế:

- **Chuyển tiền (*Remittance)***
- **Nhờ thu (Collection)**

  + *Nhờ thu trơn (clean collection)*

  + *Nhờ thu kèm chứng từ*

  (Documentary collection)
- **Tín dụng chứng từ (*Documentary credit*)**

Chuyển tiền (Remittance)

- Khái niệm:

Là một phương thức thanh toán mà người mua, con nợ hay là người muốn chuyển tiền yêu cầu ngân hàng đại diện cho mình chuyển một số tiền nhất định cho một người nào đó đến một nơi nào đó bằng phương tiện mà mình đề ra.

- Các bên tham gia:

- Người yêu cầu chuyển tiền (ORDER)
- Người hưởng lợi (BENEFICIARY)
- Ngân hàng chuyển tiền (REMITTING BANK)
- Ngân hàng trả tiền (PAYING BANK)

- Quy trình chuyển tiền

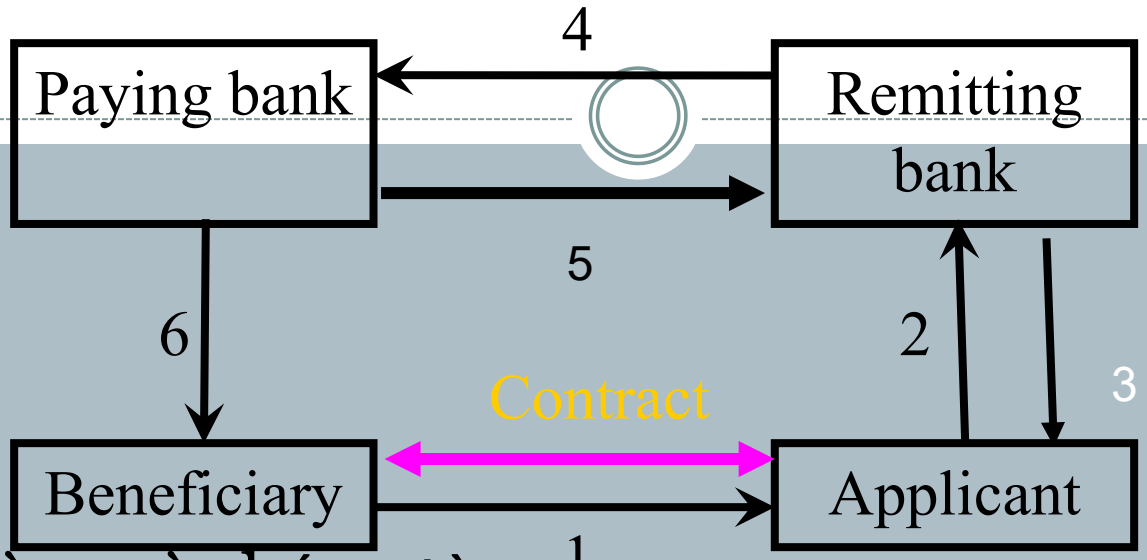

1. Giao hàng và chứng từ
2. Yêu cầu chuyển tiền
3. Ngân hàng chuyển tiền Ghi nợ TK của người yêu cầu chuyển tiền
4. Ngân hàng chuyển tiền phát lệnh thanh toán cho NH trả tiền (P/O bằng T/T hoặc M/T)
5. Báo nợ TK ngân hàng chuyển tiền
6. Ngân hàng trả tiền báo có cho người hưởng lợi

Chuyển tiền (Remittance)

- Nhận xét:

- Luật áp dụng: Pháp lệnh ngoại hối VN 2006
- Quyền lợi thuộc về người NK
- Vai trò của Ngân hàng thấp
- Trường hợp áp dụng: người xuất khẩu và nhập khẩu tin cậy nhau
- Hạn chế:

  + Việc trả tiền phụ thuộc vào thiện chí của người nhập khẩu

  + Người nhập khẩu thường trả tiền chậm

Thanh toán nhờ thu (Collection)

1. URC (Uniform Rules for Collection - Nguyên tắc thống nhất về nhờ thu) - Văn bản quốc tế điều chỉnh phương thức thanh toán nhờ thu

- Uniform Rules for the Collection – URC 522, ICC, 1995
- Theo URC: Nhờ thu có nghĩa là các ngân hàng sẽ tiếp nhận các chứng từ để thu hộ tiền cho các khách hàng căn cứ vào các điều kiện nhờ thu mà khách hàng đặt ra.

→ ***Muốn nhờ ngân hàng thu hộ tiền thì người XK phải có chứng từ***

Thanh toán nhờ thu (Collection)

2. Khái niệm

Người bán chủ động đòi tiền người mua bằng cách gửi đến NH hối phiếu đòi tiền và các chứng từ có liên quan sau khi đã giao hàng cho người mua.

3. Đặc điểm của nhờ thu:

- Căn cứ nhờ thu là chứng từ (documents
- Vai trò của ngân hàng chỉ là người trung gian.
- Chỉ xảy ra sau khi người bán đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng (tức là khâu lập chứng từ).

Thanh toán nhờ thu (Collection)

4. Các chứng từ nhờ thu:

- **Chứng từ tài chính:** bao gồm các chứng từ như Hối phiếu, séc, Kỳ phiếu, hoặc các chứng từ tương tự khác mà mục đích là để thu tiền.
- **Chứng từ thương mại:** các chứng từ như hoá đơn, chứng từ vận tải, các chứng từ nói về quyền sở hữu đối với hàng hoá hoặc bất kỳ chứng từ nào khác không phải là chứng từ tài chính thì được gọi là chứng từ thương mại.

Thanh toán nhờ thu (Collection)

5. Các bên tham gia trong phương thức nhờ thu:

- **Drawer (Principle) - Người nhờ thu**: người xuất khẩu.
- **Drawee - Người có nghĩa vụ trả tiền:** người nhập khẩu.

Thanh toán nhờ thu (Collection)

5. Các bên tham gia trong phương thức nhờ thu:

- **Remitting Bank – Ngân hàng chuyển**: là Ngân hàng đại diện cho người nhờ thu, ngân hàng này có nghĩa vụ tiếp nhận chứng từ từ người uỷ thác nhờ thu theo những điều kiện mà người nhờ thu đặt ra để thu hộ tiền cho họ, khi nhận chứng từ như thế nào thì sẽ chuyển đi như vậy.
- **Collecting Bank – Ngân hàng thu hộ**: là ngân hàng đại diện cho người trả tiền, thông thường ở nước người trả tiền là ngân hàng thu hộ, ngân hàng này có thể do ngân hàng chuyển chỉ định (nếu người xuất khẩu không nêu rõ) hoặc có thể do người xuất khẩu đề nghị trong thư yêu cầu nhờ thu của mình.

Thanh toán nhờ thu (Collection)

6. Các loại nhờ thu:

a. Nhờ thu trơn – Clean Collection:

- Định nghĩa:

Phương thức nhờ thu trơn là một phương thức thanh toán mà trong đó người có các khoản tiền phải thu từ các công cụ thanh toán nhưng không thể tự mình thu được cho nên phải **uỷ thác cho Ngân hàng thu hộ tiền ghi trên công cụ thanh toán** đó *không kèm với điều kiện chuyển giao chứng từ.*

Nhờ thu trơn (Clean collection)

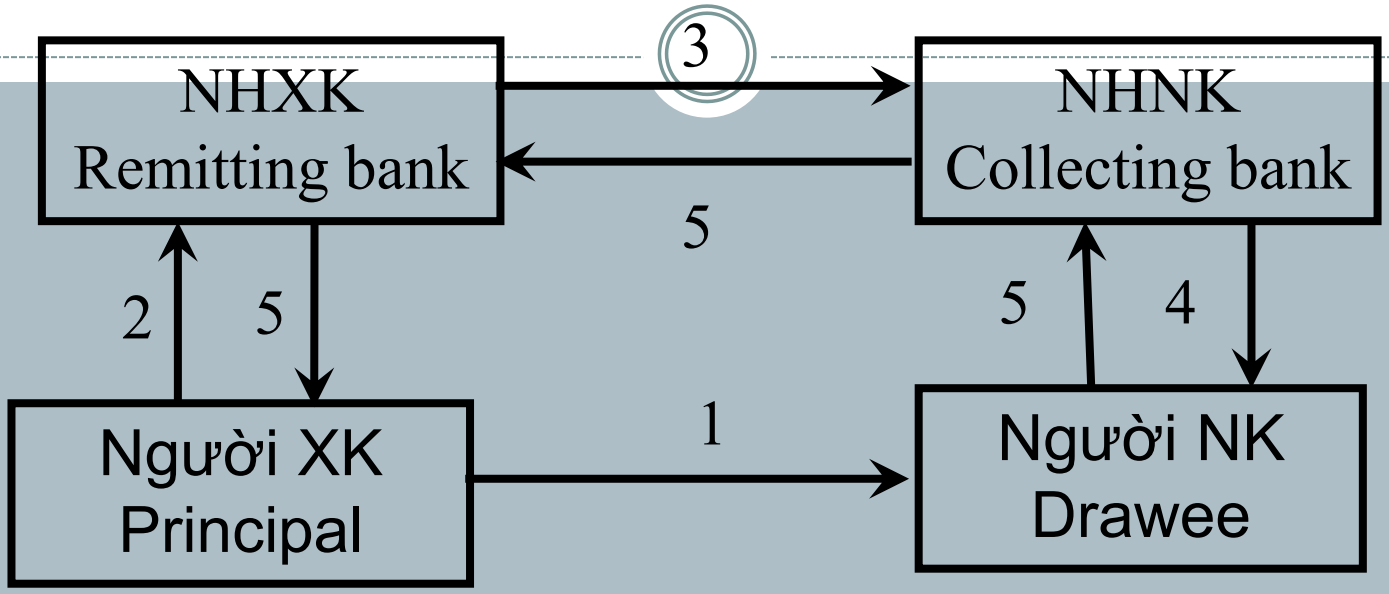

1. Giao hàng và chứng từ

2. Lập Hối phiếu và viết chỉ thị nhờ thu.

3. Lập thư ủy thác nhờ thu, hối phiếu

4. Xuất trình hối phiếu để đòi tiền (at sight/time Draft)

5. Người NK tiến hành trả tiền (T/T, M/T) hoặc chấp nhận trả tiền

Nhờ thu trơn (Clean collection)

- **Nhận xét:**

+ Việc nhận hàng không liên quan tới thanh toán.

+ Quyền lợi của người xuất khẩu không được đảm bảo. Người nhập khẩu có thể nhận hàng mà không trả tiền.

+ Chưa sử dụng hết chức năng của ngân hàng.

- **Trường hợp áp dụng:**

+ Để thanh toán các dịch vụ phí mà người bán cấp cho người mua.

+ Hai bên mua- bán hoàn toàn tin cậy lẫn nhau.

Thanh toán nhờ thu (Collection)

6. Các loại nhờ thu:

b. Nhờ thu kèm chứng từ – Documentary Collection:

- Là loại nhờ thu dựa vào chứng từ tài chính cùng với chứng từ thương mại hoặc chỉ dựa vào chứng từ thương mại (trong trường hợp này hóa đơn thương mại thay cho hối phiếu).
- Các điều kiện trao chứng từ:

  D/P: Documents Against Payment

  D/A: Documents Against Acceptance

  D/TC: Documents Against other Terms & Conditions

Nhờ thu kèm chứng từ - Documentary collection

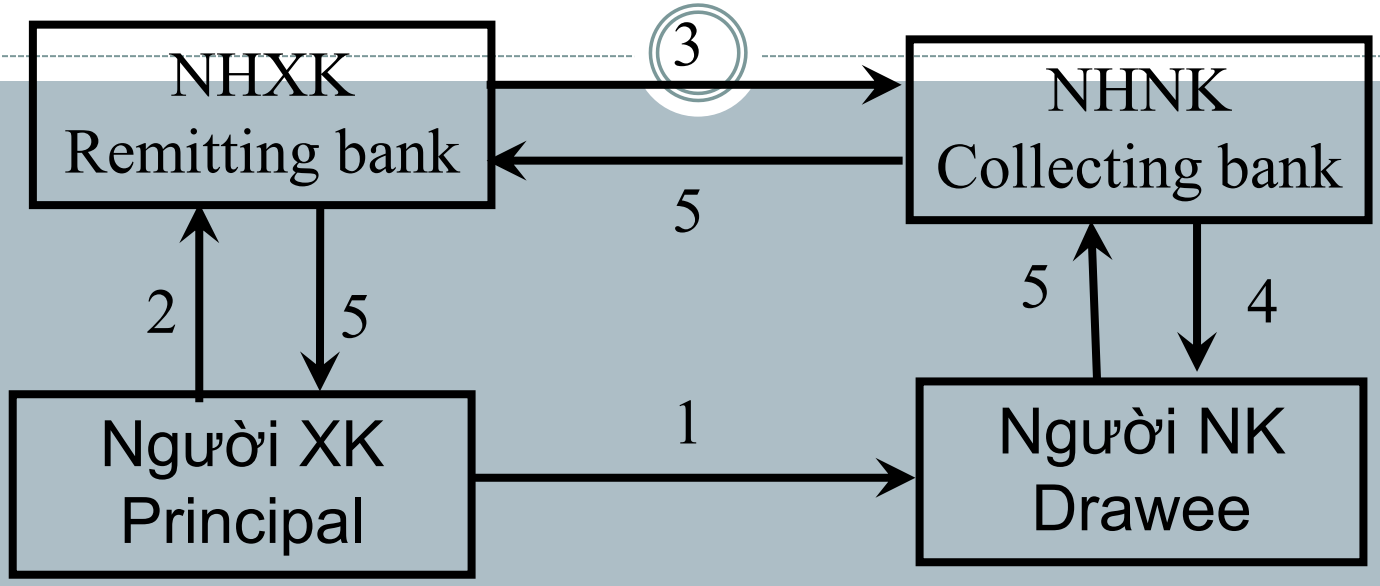

1. Giao hàng

2. Lập chứng từ thanh toán hoặc chứng từ thương mại và viết chỉ thị nhờ thu.

3. Lập thư ủy thác nhờ thu, hối phiếu và chứng từ giao hàng

4. Xuất trình hối phiếu và chứng từ giao hàng để đòi tiền (D/P; D/A; D/TC)

5. Người NK tiến hành kiểm tra chứng từ nếu thấy chứng từ phù hợp thì trả tiền (T/T, M/T) hoặc chấp nhận trả tiền và thu vận tải đơn về.

Nhờ thu kèm chứng từ (Documentary collection)

- **Nhận xét:**

Ưu điểm: người nhập khẩu muốn có chứng từ, hoá đơn để nhận hàng thì phải thực hiện các điều kiện nhờ thu.

Nhược điểm: người nhập khẩu không muốn nhận hàng (ví dụ: giá hàng hạ xuống v.v…) thì người xuất khẩu không lấy được tiền.

→ Hạn chế phương thức nhờ thu nói chung và phương thức nhờ thu kèm chứng từ nói riêng.

Tín dụng chứng từ (L/C)

- Khái niệm

Phương thức tín dụng chứng từ là một sự thỏa thuận theo đó một ngân hàng (ngân hàng mở thư tín dụng) theo yêu cầu của một khách hàng (người yêu cầu mở thư tín dụng) hoặc nhân danh chính mình cam kết sẽ trả một số tiền nhất định cho một người thứ ba (người hưởng lợi) hoặc phải chấp nhận hối phiếu do người hưởng lợi ký phát và trả tiền khi đáo hạn với điều kiện là các chứng từ do người hưởng lợi lập và xuất trình phải phù hợp với các quy định trong L/C.

L/C

Sơ đồ

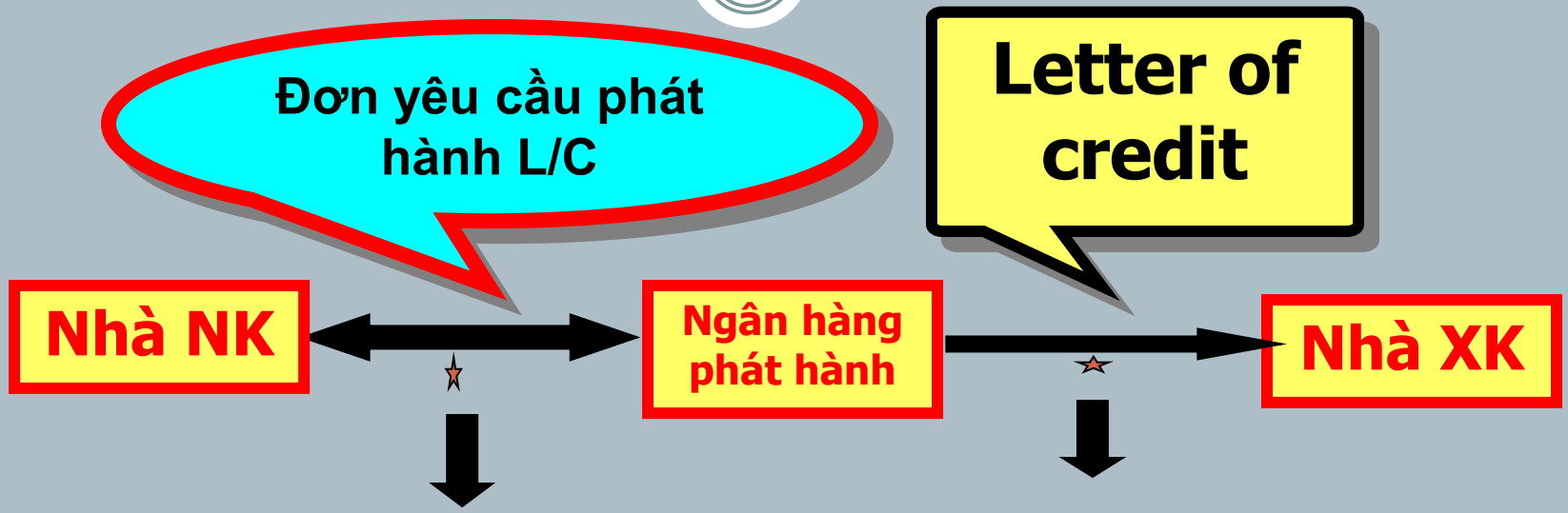

Luật Việt Nam

- Bộ Luật dân sự 2005
- Pháp lệnh ngoại hối 2005

Tập quán quốc tế

- UCP 600
- ISBP

L/C @ Nguồn luật điều chỉnh

A. Luật quốc tế: chưa có

B. Tập quán quốc tế:

* UCP 600 , 2007 (Uniform custom and practice for the ducumentary credit 600)
* ISBP 681 , 2007- International standard banking practices.
* eUCP 1.1 , 2007 - Suplement to UCP600 for presentation of electronic documents.
* URR 725, ICC, 2008- Uniform rules for bank to bank reimbursement under documentary credit.

L/C @ Nguồn luật điều chỉnh

- **Các quy phạm tùy ý lựa chọn áp dụng, không bắt buộc.**

  + Nếu áp dụng: dẫn chiếu vào L/C.

  + Cách áp dụng:

  → Theo các điều khoản hoặc quy tắc của Bộ tập quán.

  → Có thể khác các điều khoản hoặc các quy tắc của Bộ tập quán.

  → Không áp dụng một hay một số điều khoản hoặc quy tắc của Bộ tập quán.

L/C @ Nguồn luật điều chỉnh

Một số quy phạm bắt buộc không thể làm trái bản chất của thanh toán bằng L/C.

- ***Tính chất đồng thuận:***

  + Tùy ý lựa chọn, nhưng phải đồng thuận.

  + Mọi việc sửa đổi, bổ sung hay hủy bỏ các nội dung của L/C phải có sự đồng thuận.

- ***Mối quan hệ giữa các Bộ tập quán về L/C và Luật quốc gia***

  Không được làm trái với các quy định của Luật quốc gia có liên quan.

L/C @ các bên liên quan

- Người yêu cầu mở L/C (Applicant)
- Ngân hàng phát hành thư tín dụng (Issuing Bank)
- Người hưởng lợi thư tín dụng (Beneficiary)
- Ngân hàng thông báo thư tín dụng (Advising bank)

Quy trình thanh toán L/C

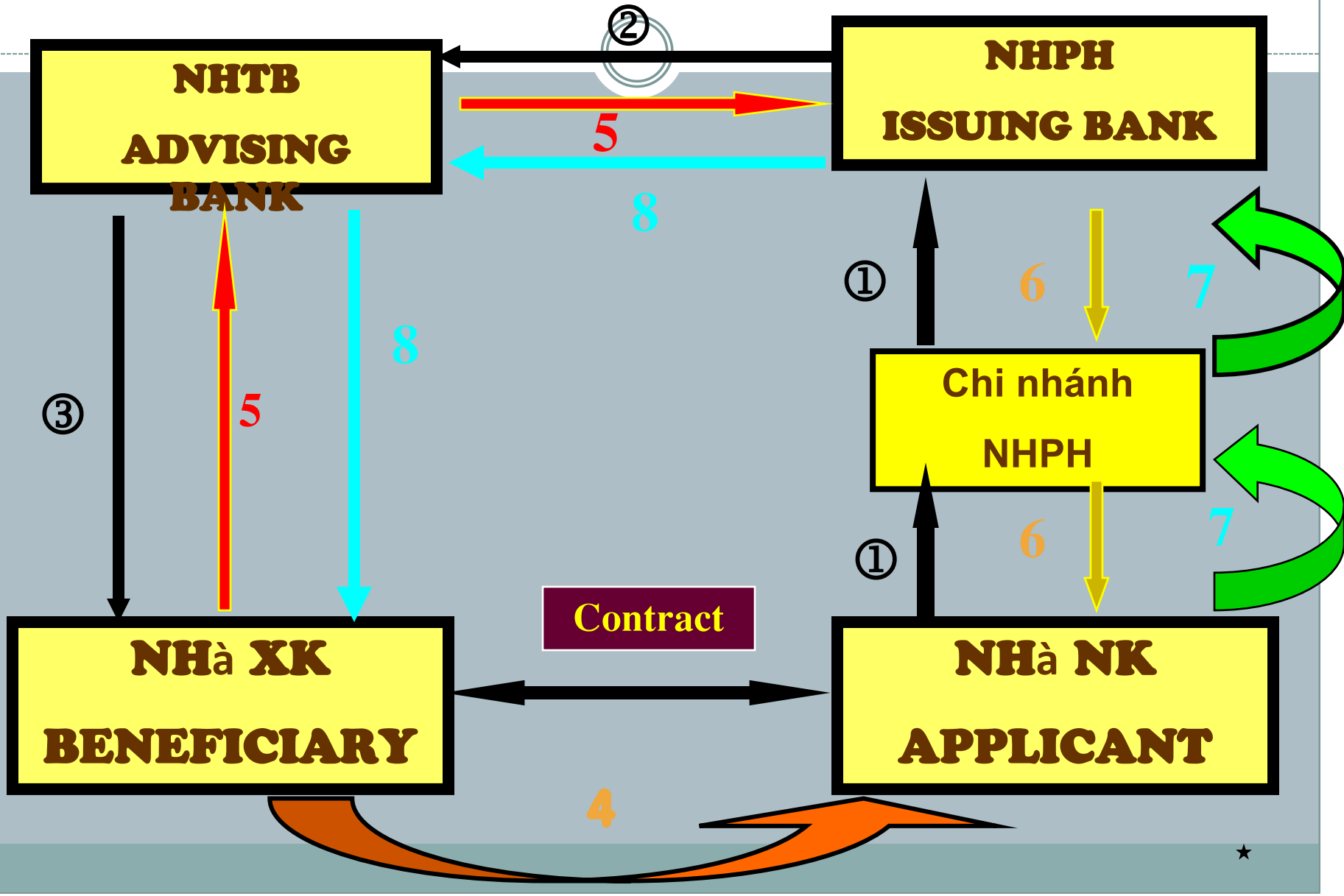

Quy trình thanh toán L/C

(1) Gửi đơn yêu cầu phát hành thư tín dụng và tiến hành ký quỹ.

(2) Phát hành L/C qua Ngân hàng đại lý cho Người xuất khẩu hưởng lợi.

(3) Ngân hàng thông báo tiến hành thông báo L/C và chuyển bản gốc L/C cho Người hưởng lợi.

(4) Giao hàng.

(5) Xuất trình chứng từ đòi tiền Ngân hàng phát hành L/C.

(6) Ngân hàng phát hành thông báo kết quả kiểm tra chứng từ cho Người yêu cầu.

(7) Người yêu cầu chấp nhận hay từ chối thanh toán.

(8) Ngân hàng phát hành thông báo chấp nhận hay từ chối nhận chứng từ.

Bước 1: Viết đơn xin mở L/C

- Người nhập khẩu viết đơn xin mở thư tín dụng gửi tới ngân hàng phát hành.

  Căn cứ để viết đơn yêu cầu phát hành L/C:

  - Hợp đồng mua bán ngoại thương
  - UCP 600 (nếu dẫn chiếu áp dụng)

- *L/C hình thành trên cơ sở hợp đồng thương mại, vì vậy nội dung của hợp đồng là cơ sở để thiết lập đơn yêu cầu phát hành L/C.*
- *Người yêu cầu phải ký quỹ mở L/C tại Ngân hàng phát hành. Mức ký quỹ là bao nhiêu là do Ngân hàng quy định.*

Bước 2: Ngân hàng phát hành L/C

I. Hình thức phát hành

Có thể phát hành L/C bằng 2 cách:

- Phát hành L/C bằng thư;
- Phát hành L/C bằng điện: có hai loại điện là điện TELEX, và điện SWIFT MT700.

Bước 2: Ngân hàng phát hành L/C

II. Tính chất của L/C

Điều 4, UCP 600: *Về bản chất tín dụng là một giao dịch riêng biệt với hợp đồng mua bán hoặc các hợp đồng khác mà các hợp đồng này có thể làm cơ sở để lập thư tín dụng, các ngân hàng không bị liên quan đến hoặc bị ràng buộc vào hợp đồng như thế hoặc thậm chí ngay cả trong tín dụng có bất kỳ một dẫn chiếu nào tới hợp đồng, vì vậy sự cam kết của một ngân hàng để thanh toán, thương lượng thanh toán hoặc thực hiện bất cứ một nghĩa vụ nào khác của thư tín dụng không phụ thuộc vào các khiếu nại hoặc các biện hộ của người yêu cầu phát sinh từ mối quan hệ của họ với ngân hàng phát hành và người thụ hưởng.*

Bước 2: Ngân hàng phát hành L/C

III. Những nội dung chủ yếu của L/C (SWIFT: MT 700).

27: Sequence of total - Số lượng bản gốc phát hành

40A: *Form of credit* - loại thư tín dụng: Irrevocable

20: *L/C No - Số L/C.* Do các ngân hàng tự thiết kế để theo dõi

31C: *Date of issue* – Ngày phát hành L/C

40E: Applicable rules

31D. Date and Place of Expiry

51D: Applicant Bank – Name and address – Ngân hàng chi nhánh nơi người nhập khẩu lập hồ sơ thủ tục xin mở L/C tại địa bàn của mình

50. Applicant: Name and address – Tên và địa chỉ của người nhập khẩu.

59. Beneficiary. Tên và địa chỉ của Người hưởng lợi L/C (người xuất khẩu)

Những nội dung chủ yếu của L/C (tiếp)

32B: Currency Code, Amount - Loại tiền và số tiền của L/C
39A: Percentage Credit Amount Tolerance: dung sai về giá trị L/C
42C: Drafts at...: đòi tiền...
43P: Partial shipments: giao hàng từng phần
43T: Transhipment: chuyển tải
44E: Port of Loading/Airport of Departure: Cảng bốc hàng/ Sân bay đi
44F: Port of Discharge/ Airport of Destination: Cảng dỡ hàng/ Sân bay đến
44C: Latest date of shipment: Ngày giao hàng muộn nhất
45A: Description of goods and/or services: mô tả hàng hóa và/hoặc dịch vụ
46A: Documents required: Chứng từ yêu cầu
48: Period for Presentation: Thời hạn xuất trình chứng từ
.....

Bước 3: Trách nhiệm của NH thông báo

(i) Kiểm tra tính chân thật bề ngoài của L/C (Authenticity).

- Có phải là bản gốc không: có chữ ký, có testkey, đúng swiftkey.

- L/C không có những ghi chú về sự chưa hoàn thiện của L/C.

- Bản thân L/C rõ ràng, không mất thông tin.

(ii) Ngân hàng Advising Bank chuyển L/C tới người thụ hưởng (người xuất khẩu)

Correspondent Bank – Ngân hàng khác: Là Ngân hàng thông báo thứ hai (ngân hàng có quan hệ đại lý với cả hai bên 'Issuing Bank và Advising Bank').

BƯỚC 4 - Người bán kiểm tra L/C và giao hàng

- Căn cứ kiểm tra L/C.
  + Hợp đồng mua bán ngoại thương.
  + UCP 600.
  + Các luật lệ tập quán đang được áp dụng giữa 2 nước.
  + Bản thân L/C.
- Mọi tu chỉnh L/C phải được gửi từ Ngân hàng phát hành mới có giá trị thực hiện.

Bước 5:
Người hưởng lợi lập một bộ chứng từ

- Lập chứng từ như thế nào để lấy được tiền? phải tuân thủ hoàn toàn các yêu cầu về điều khoản và điều kiện của thư tín dụng
- Xuất trình bộ chứng từ tới đúng địa điểm quy định của thư tín dụng và trong thời hạn xuất trình chứng từ mà L/C yêu cầu.

Bước 6,7 (theo tập quán NHVN)

- Ngân hàng chuyển kết quả kiểm tra bộ chứng từ đến người yêu cầu phát hành L/C (người NK)
- Nguyên tắc kiểm tra chứng từ
- Người yêu cầu thông báo chấp nhận/ từ chối TT cho NH

Bước 8: Thanh toán L/C

Các loại L/C

- Phân theo loại hình:
  - L/C không hủy ngang (Irrevocable L/C)
  - L/C hủy ngang (Revocable L/C)
- Phân theo phương thức sử dụng:
  - L/C không hủy ngang được chiết khấu (Irrevocable Negotiable L/C)
  - L/C không hủy ngang có xác nhận (Irrevocable Confirmed L/C)
  - L/C tuần hoàn (Revolving L/C)
  - L/C có điều khoản đỏ (Red Clause L/C)
  - L/C dự phòng (Standby L/C)
  - L/C chuyển nhượng (Transferable L/C)
  - L/C giáp lưng (Back – to – back L/C)

Các loại L/C

- Phân theo thời điểm thanh toán:
  - L/C trả ngay (sight L/C)
  - L/C trả chậm (deferred L/C or usance L/C)
  - L/C hỗn hợp (mixed L/C)

Kiểm tra chứng từ theo UCP 600 - Nguyên tắc chung

1- Các yêu cầu kiểm tra chứng từ:

1.1- Chứng từ phù hợp với điều kiện và điều khoản quy định trong L/C.

1.2- Chứng từ phù hợp với các quy tắc có thể áp dụng của bộ tập quán quốc tế ICC điều chỉnh L/C được dẫn chiếu trong L/C.

1.3- Nội dung dư liệu giưa các chứng từ không được mâu thuẫn nhau

1.4- Chứng từ phù hợp với các luật, tập quán khác và hoặc các quy định của bản thân chứng từ quy định trong L/C.

1.5- Lỗi chính tả và đánh máy không ảnh hưởng đến nghĩa của từ và của câu không coi là sai biệt

1.6- Không đòi hỏi tính cứng nhắc của địa chỉ

1.7- Tính tương đồng cách viết tắt

2- Kiểm tra trên bề mặt chứng từ theo yêu cầu nói trên

3- **Xuất trình chứng từ 1 lần, không bổ sung, không thay thế, trừ khi L/C cho phép**

ĐIỀU 14b UCP 600: “a nominated bank, confirming bank and the issuing bank shall each have a maximum of five banking days following the day of presentation to determine if a presentation is complying”

- Mẫu chứng từ dùng trong thanh toán quốc tế
- Giải đáp thắc mắc

Cảm ơn sự chú ý lắng nghe của các bạn!